

CÓ PHẦN CHÀO BÁN THUỘC SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP. ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CẤU CỐ ĐỒNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ. BAN TỔ CHỨC CHÀO BÁN KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ THAM KHẢO THÔNG TIN CỦA TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP ĐÃ CÔNG BỐ, ĐỌC KỸ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ, BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHẦN CHÀO BÁN

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

TẠI TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Địa chỉ: Tầng 23-24 Tòa nhà Charmvit, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3824 0703 Fax: (84-24) 6278 0136

TỔ CHỨC ĐIÁT HÀNH



TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0915.554.342

TỔ CHỨC TƯ VẤN CHÀO BÁN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Hanoi Tourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 39343888 Fax: (024) 39343999

TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 3941 2626

Fax: 024 3934 7818

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024

THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

1. Thông tin về tổ chức phát hành

Tên tổ chức phát hành:	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP
Tên Tiếng Anh:	THANG LONG JOINT STOCK CORPORATION
Địa chỉ:	Số 72 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Văn phòng giao dịch:	Tầng 5, Tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ:	419.080.000.000 đồng
Tổng số cổ phần niêm yết:	41.908.000 cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành:	41.853.700 cổ phần
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Ngành nghề kinh doanh:	Xây dựng công trình đường bộ (Mã ngành: 4212)

2. Thông tin về đợt chào bán

Tên tổ chức chào bán cổ phần:	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
Tên cổ phần chào bán:	Cổ phần Tổng Công ty Thăng Long - CTCP
Loại cổ phần chào bán:	Cổ phần phổ thông và tự do chuyển nhượng
Tổng số lượng cổ phần chào bán:	10.500.000 cổ phần (chiếm 25,05% vốn điều lệ)
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm:	222.611.000.000 đồng/lô cổ phần (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi hai tỷ sáu trăm mười một triệu đồng một lô cổ phần)
Bước giá:	1.000.000 đồng/lô cổ phần
Phương thức chào bán:	Bán đấu giá công khai theo lô cổ phần, theo đó nhà đầu tư phải đăng ký đặt mua toàn bộ số cổ phần chào bán (10.500.000 cổ phần), đấu giá thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Chuyển nhượng sở hữu:	Chuyển nhượng tại VSDC

3. Tổ chức kiểm toán



Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235
Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 84 (24) 3 783 2121

th

1

2

4. Tổ chức thẩm định giá

**Công ty Cổ phần Thẩm định giá IVC Việt Nam**

Địa chỉ: Ô số 8 tầng 2, Tòa nhà D2, Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84 4 6273 5566

Fax: +84 4 6273 5599

5. Tổ chức chào bán cổ phần

**Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước**

Địa chỉ: Tầng 23-24 Tòa nhà Charmvit, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3824 0703

Fax: (84-24) 6278 0136

6. Tổ chức Tư vấn chào bán cổ phần

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Hanoi Tourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 39343888

Fax: (024) 39343999

7. Tổ chức Thực hiện chào bán cổ phần

**Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)**

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 3941 2626

Fax: 024 3934 7818

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	1
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	2
1. Rủi ro về kinh tế	3
1.1 Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát	3
1.2 Rủi ro lãi suất.....	6
1.3 Tỷ giá hối đoái.....	7
2. Rủi ro Pháp luật	9
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	9
3.1 Rủi ro về hoạt động	9
3.2 Rủi ro về thanh toán.....	9
3.3 Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào	9
4. Rủi ro quản trị công ty	10
5. Rủi ro của đợt chào bán.....	10
6. Rủi ro khác.....	11
III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	11
1. Tổ chức chào bán cổ phần/Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng	11
2. Tổ chức phát hành/Tổ chức có vốn nhà nước được chuyển nhượng.....	12
3. Tổ chức tư vấn chào bán.....	12
IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	14
V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	15
1.1. Thông tin chung.....	15
1.2. Lĩnh vực hoạt động.....	15
1.3. Quá trình hình thành và phát triển của tổ chức thực hiện thoái vốn.....	16
2. Mối quan hệ với Công ty có cổ phần được chào bán	16
3. Số cổ phần sở hữu.....	16
VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG	17
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	17
1.1 Thông tin chung.....	17
1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Tổng Công ty	20
2. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty	21
2.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý	21

2.2	Cơ cấu bộ máy tổ chức của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	22
3.	Hoạt động sản xuất kinh doanh	25
3.1	Sản phẩm dịch vụ chính của Tổng Công ty	25
3.4	Chính sách chất lượng	27
3.5	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty	27
4.	Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty	35
4.1	Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	35
4.2	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty và những người có liên quan	36
5.	Danh sách những công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết và các công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	36
5.1	Danh sách Công ty mẹ, Công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, như sau:	36
5.2	Danh sách công ty con và những công ty mà Tổng công ty Thăng Long - CTCP nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối tại ngày 30/09/2024	36
5.3	Danh sách Công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30/09/2024	38
6.	Danh sách Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát	38
6.1	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	38
6.2	Danh sách thành viên Ban kiểm soát	41
6.3	Danh sách thành viên Ban giám đốc	43
6.4	Kế toán trưởng	45
7.	Cơ cấu lao động	46
8.	Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi	46
9.	Chính sách đối với người lao động	46
10.	Chính sách tuyển dụng và đào tạo	47
11.	Chính sách cổ tức	47
12.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính	48
12.1	Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh	48
12.2	Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận qua các năm gần đây	49
12.3	Cơ cấu chi phí	49
12.4	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	50
13.	Chỉ tiêu tài chính chủ yếu	51
14.	Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng và chế độ kế toán áp dụng	53
15.	Trích khấu hao Tài sản cố định	53
16.	Các khoản phải nộp theo quy định	54

17. Trích lập các quỹ theo luật định	54
18. Tình hình công nợ.....	55
18.1 Các khoản phải thu	55
18.2 Các khoản phải trả.....	57
19. Đầu tư tài chính	60
20. Tình hình Tài sản Tổng Công ty đang sử dụng.....	61
20.1 Tình hình quản lý và sử dụng đất đai, mặt bằng của Tổng Công ty	61
20.2 Tình hình tài sản.....	64
21. Thuận lợi, khó khăn của Tổng Công ty trong quá trình kinh doanh sản xuất	65
22. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	66
23. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2024	68
23.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024.....	68
23.2 Các giải pháp thực hiện kế hoạch	68
24. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty	69
25. Nhân hiệu, tên thương mại, quyền sở hữu trí tuệ.....	69
26. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn.....	70
VII. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	70
1. Tên cổ phần thực hiện chuyển nhượng	70
2. Loại cổ phần.....	70
3. Mệnh giá.....	70
4. Hình thức.....	70
5. Số lô cổ phần chào bán.....	70
6. Số lượng cổ phần của một lô chào bán	70
7. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng.....	70
8. Giá khởi điểm.....	70
9. Bước giá.....	70
10. Phương pháp tính giá khởi điểm.....	70
11. Phương thức chuyển nhượng vốn	71
12. Tổ chức thực hiện đấu giá.....	72
13. Thời gian thực hiện	72
14. Thời gian đăng ký mua cổ phiếu dự kiến	72
15. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	72
16. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn.....	73
17. Các loại thuế liên quan.....	73

H

D

e

18. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công bố thông tin về việc chuyển nhượng vốn	73
19. Địa điểm công bố thông tin.....	74
VIII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	75
IX. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	75
1. Tổ chức là chủ sở hữu chuyển nhượng vốn	75
2. Tổ chức có vốn của Doanh nghiệp nhà nước cần chuyển nhượng.....	75
3. Tổ chức tư vấn chào bán.....	75
4. Tổ chức thẩm định giá	75
5. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính	76
X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	76
XI. THAY LỜI KẾT	76

DANH MỤC HÌNH ẢNH, BẢNG BIỂU**DANH MỤC HÌNH ẢNH, SƠ ĐỒ**

Biểu đồ 1. Tốc độ tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2011 - 2023	5
Biểu đồ 2. Tỷ giá trung tâm từ đầu năm 2020 đến ngày 18/12/2023	8
Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	22

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Ngành nghề sản xuất kinh doanh	18
Bảng 2. Các công trình tiêu biểu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty	27
Bảng 3. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết có giá trị trên 100 tỷ đồng giai đoạn 2020 - 2024	33
Bảng 4. Cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm 30/09/2024	35
Bảng 5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 30/09/2024	36
Bảng 6. Danh sách công ty con của tổ chức phát hành có quyền chi phối	37
Bảng 7. Danh sách Công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30/09/2024	38
Bảng 8. Cơ cấu lao động của Tổng Công ty tại thời điểm 30/09/2024	46
Bảng 9. Thu nhập bình quân người lao động giai đoạn 2021 - 2023	46
Bảng 10. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ	48
Bảng 11. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hợp nhất	48
Bảng 12. Cơ cấu doanh thu giai đoạn năm 2022 - 2023	49
Bảng 13. Cơ cấu lợi nhuận giai đoạn năm 2022 - 2023	49
Bảng 14. Cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2022 - 2023	49
Bảng 15. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ năm 2022 - 09 tháng năm 2024	50
Bảng 16. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2022 - 09 tháng năm 2024	50
Bảng 17. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty giai đoạn 2022 - 2023	51
Bảng 18. Các khoản phải nộp theo quy định giai đoạn 2022 - 09 tháng năm 2024 của Công ty mẹ	54
Bảng 19. Các khoản phải nộp theo quy định giai đoạn 2022 - 09 tháng năm 2024 hợp nhất	54
Bảng 20. Trích lập các quỹ theo quy định giai đoạn 2022 - 09 tháng năm 2024 của Công ty mẹ	55
Bảng 21. Trích lập các quỹ theo quy định giai đoạn 2022 - 09 tháng năm 2024 hợp nhất	55
Bảng 22. Các khoản phải thu của Công ty mẹ giai đoạn 2022 - 09 tháng năm 2024	55
Bảng 23. Các khoản phải thu hợp nhất của Công ty giai đoạn năm 2022 - 09 tháng năm 2024	56
Bảng 24. Các khoản phải trả của Công ty mẹ giai đoạn năm 2022 - 09 tháng năm 2024	57
Bảng 25. Các khoản phải trả hợp nhất của Công ty giai đoạn năm 2022 - 09 tháng năm 2024	59
Bảng 26. Các khoản đầu tư tài chính của Công ty mẹ giai đoạn năm 2022 - 09 tháng năm 2024	60
Bảng 27. Các khoản đầu tư tài chính hợp nhất giai đoạn năm 2022 - 09 tháng năm 2024	61
Bảng 28. Danh mục đất đai Công ty đang sử dụng	62
Bảng 29. Giá trị TSCĐ của Công ty mẹ tại thời điểm 30/09/2024	64
Bảng 30. Giá trị TSCĐ hợp nhất tại thời điểm 30/09/2024	64
Bảng 31. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2024	68

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;
- Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;
- Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP);
- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 32/2018/NĐ-CP);
- Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/07/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;
- Thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;
- Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

H

- số 36/2021/TT-BTC về Hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;
- Nghị định 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp;
 - Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp;
 - Quyết định số 79/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 27/08/2021 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc ban hành Quy chế mẫu về chuyển nhượng vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần;
 - Quyết định số 97/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 15/10/2021 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Quy chế bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;
 - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - Quyết định số 291/QĐ-ĐTKDV ngày 19/11/2024 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc phê duyệt phương án bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP;
 - Công văn số 1874/ĐTKDV-ĐT2 ngày 19/11/2024 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc bán cổ phần của SCIC tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP;
 - Chứng thư thẩm định giá số 017/2024/554 ngày 19/11/2024 do Công ty Cổ phần Thẩm định giá IVC Việt Nam phát hành;
 - Hợp đồng dịch vụ tư vấn và tổ chức bán cổ phần tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP số 245/SCIC-PSI ngày 17/09/2024 ký giữa Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí;
 - Và các văn bản pháp luật có liên quan.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP nói riêng.

Nhà đầu tư cần cân trọng và cân nhắc các yếu tố rủi ro này, và trong trường hợp các rủi ro dưới đây diễn ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP sẽ bị ảnh hưởng dẫn tới sự sụt giảm một phần hoặc toàn bộ giá trị đầu tư.

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế là một loại rủi ro hệ thống có tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, thông qua các cơ chế tác động đến tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất ngân hàng và tỷ giá hối đoái. Trong chiến lược hạn chế rủi ro về kinh tế, việc xem xét các thay đổi trong cơ chế vận hành và khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung có ý nghĩa rất quan trọng giúp việc đánh giá và dự báo tình hình kinh doanh của công ty có độ tin cậy cao hơn, đồng thời tiên liệu và chuẩn bị trước các tình huống ứng phó cho sự thay đổi bất lợi có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty.

1.1 Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng hầu hết các ngành, lĩnh vực của kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng các sản phẩm tiện ích, dịch vụ có chất lượng cao và giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường cung ứng. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Nhà đầu tư cần cân trọng và cân nhắc các yếu tố rủi ro này, và trong trường hợp các rủi ro dưới đây diễn ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP sẽ bị ảnh hưởng dẫn tới sự sụt giảm một phần hoặc toàn bộ giá trị đầu tư.

Nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng nhanh và ấn tượng cho đến trước năm 2019. Theo số liệu từ Tổng Cục thống kê, GDP của Việt Nam năm 2019 tăng 7,02%, đây là năm thứ hai liên tiếp nền kinh tế của Việt Nam đạt tăng trưởng trên 7%. Tuy nhiên, dịch Covid - 19 lây lan toàn cầu đã tác động rất lớn đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng khi GDP của Việt Nam xuống mức thấp nhất trong giai đoạn 2011 - 2021. Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đã phục hồi mạnh mẽ và là năm đầu tiên trong 3 năm dịch Covid - 19, Việt Nam đạt và vượt 13/15 chỉ tiêu kinh tế kế hoạch đặt ra với GDP đạt 8,02%.

Kinh tế - xã hội năm 2023 của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động nhanh, khó lường làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu nợ công thế giới tăng lên mức kỷ lục và xung đột quân sự, chính trị phức tạp. Tại Việt Nam, nền kinh tế cũng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn: hoạt động xuất khẩu hồi phục chậm do nhu cầu của thế giới giảm, thị trường bất động sản ảm đạm, đặc biệt bối cảnh áp lực đáo hạn và trả nợ trái phiếu doanh nghiệp năm 2023 lớn, hoạt động thu hút nhà đầu tư nước ngoài chưa thực sự hiệu quả khi nhà đầu tư nước ngoài chưa mở rộng quy mô đầu tư vào các dự án tại Việt Nam. Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động,

quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế. Nền kinh tế đạt mức tăng trưởng GDP là 5,05%. Quy mô nền kinh tế Việt Nam theo giá hiện hành đạt 430 tỷ USD đến cuối 2023. GDP bình quân đầu người đạt 4.284 USD, tăng 160 USD so với cùng kỳ năm 2022. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế khoảng 8.380 USD một lao động, tăng 274 USD. Dịch vụ vẫn là nhóm đóng góp nhiều nhất vào giá trị tăng thêm của nền kinh tế, trên 62%. Theo Tổng cục Thống kê năm 2023, các hoạt động thương mại, du lịch duy trì tăng trưởng, đóng góp tích cực vào đà đi lên của dịch vụ. Nhờ đó, giá trị tăng thêm khu vực này vượt 6,82% so với năm trước và cao hơn các năm 2020 - 2021. Trong khi đó, công nghiệp và xây dựng tiếp tục đối diện nhiều khó khăn trong bối cảnh tổng cầu thế giới suy giảm. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp chỉ đạt 3,02%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,62% - mức thấp nhất 13 năm. Xuất nhập khẩu giảm 6,6% so với năm 2022 nhưng là kết quả của nhiều nỗ lực mở rộng thị trường mới, xúc tiến thương mại trong bối cảnh cầu thế giới giảm sâu, đạt 693 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 28 tỷ USD.

Tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% so với năm trước. Bước sang năm 2024 với dự báo nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam vẫn được đánh giá còn nhiều dư địa phát triển với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Trong đó, Kinh tế Việt Nam trong 09 tháng đầu năm 2024 đã đạt được mức tăng trưởng ấn tượng 6,82% so với cùng kỳ năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế 09 tháng năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,20%, (đóng góp 5,37%), chỉ cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ năm 2020 trong giai đoạn 2020 - 2024 do chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi cơn bão số 3 trong tháng 09/2024 nên tăng trưởng thấp hơn cùng kỳ các năm trước; Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,19% (đóng góp 46,22%), trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng với tốc độ tăng 9,76%; Khu vực dịch vụ tăng 6,95% (đóng góp 48,41%), trong đó một số ngành dịch vụ thị trường duy trì đà tăng trưởng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của toàn nền kinh tế như: bán buôn và bán lẻ tăng 7,56% so với cùng kỳ năm trước; ngành vận tải, kho bãi tăng 11,03%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,47%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 9,48%.

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kiềm hãm được mức tăng của chỉ số CPI.

Giai đoạn 2011 - 2017 đánh dấu thời kỳ giữ lạm phát ổn định ở mức thấp nhất trong hơn 10 năm qua. Lạm phát ổn định ở mức thấp, ổn định kinh tế vĩ mô được giữ vững, thị trường ngoại hối, tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng lên mức kỷ lục, thanh khoản hệ thống ngân hàng được cải thiện vững chắc là những yếu tố cơ bản được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế sử dụng làm căn cứ để nâng hệ số tín nhiệm của Việt Nam.

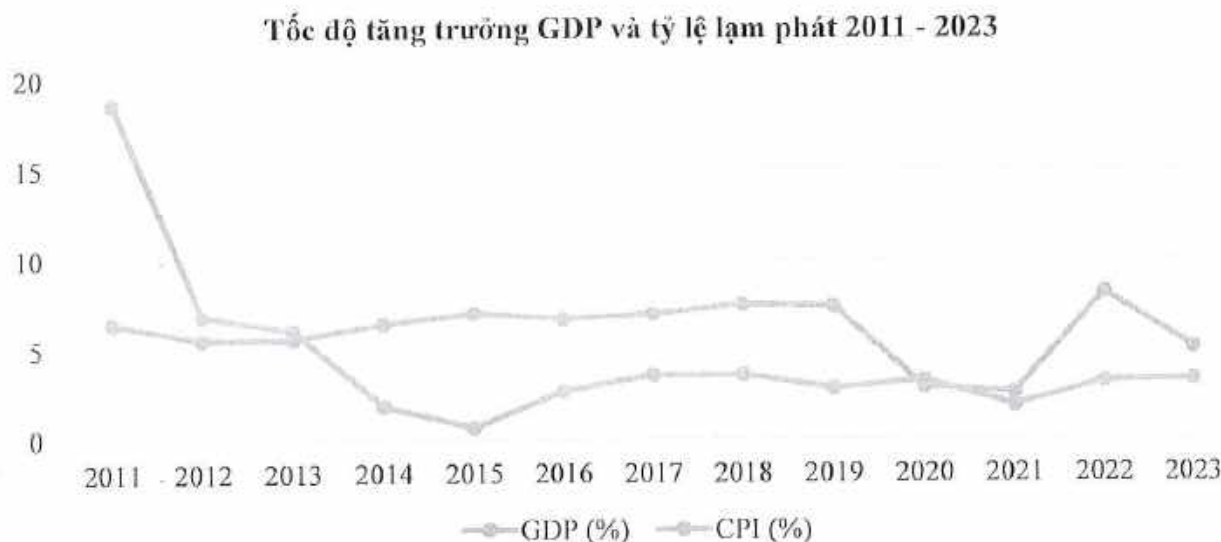
Từ năm 2017 đến năm 2021 chỉ số CPI đã được kiểm soát thành công, duy trì mức dưới 4%/năm. Tính chung cả năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Tuy nhiên, áp lực lạm phát trong năm 2022 là rất lớn nhất ở mức 3,15% tuy nhiên vẫn đạt mục tiêu dưới 4% do Quốc hội đề ra. Năm 2023, lạm phát bình quân của Việt Nam tăng 3,25%. Đây là năm thứ 12 liên tiếp Việt Nam duy trì ở mức lạm phát một con số kể từ sau khi lạm phát tăng cao vào năm 2011, góp phần bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Năm 2023, Fitch Rating nâng hạng tín nhiệm quốc gia cho Việt Nam từ BB lên BB+. Tính chung 09 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,88% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,69% thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,88%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, diện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế và xăng dầu là yếu tố tác động làm tăng CPI. Bên cạnh đó, yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI 09 tháng năm 2024 là Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông chín tháng năm 2024 giảm 1,19% do giá điện thoại thể hệ cũ giảm khi các doanh nghiệp áp dụng chương trình giảm giá, kích cầu đối với các dòng điện thoại thông minh đưa ra thị trường sau một thời gian.

Giá nhà ở và vật liệu xây dựng tăng cao do giá điện, nước tăng, giá các loại vật liệu xây dựng như sắt, thép, cát tăng mạnh. Giá giáo dục tăng chủ yếu do học phí và các khoản thu đầu năm học tăng. Giá giao thông giảm chủ yếu do giá xăng dầu giảm. Giá bưu chính, viễn thông giảm do ngành này tiếp tục ứng dụng khoa học - công nghệ, do xuất khẩu giảm.

Lạm phát của Việt Nam được kiểm chế theo mục tiêu càng có ý nghĩa khi nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới có mức lạm phát cao gấp đôi, gấp ba mức định hướng, buộc phải thắt chặt chính sách tiền tệ bằng cách liên tục tăng lãi suất khi Việt Nam bước đầu chuyển từ thắt chặt sang nới lỏng chính sách tài khóa, tiền tệ với nhiều giải pháp, như giảm bội chi theo dự toán, giảm, hoãn nhiều loại thuế phí, tăng lương cơ sở, giảm lãi suất cho vay, giãn, hoãn cơ cấu lại nợ.

Biểu đồ 1. Tốc độ tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2011 - 2023

Đơn vị: %



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng giao thông, nổi bật là xây dựng và thi công các công trình cầu, đường giao thông. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng nhất định trước những biến động của nền kinh tế. Khi kinh tế phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, tỷ lệ lạm phát được duy trì ổn định ở mức thấp sẽ thúc đẩy khả năng đầu tư công của Nhà nước và nhân dân đối với việc xây dựng hạ tầng, đường giao thông và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ mục tiêu phát triển, qua đó đẩy mạnh cầu về sản phẩm thi công công trình, đem lại cơ hội phát triển và gia tăng doanh thu, thị phần của Tổng Công ty, giúp Tổng Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút, tỷ lệ lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, vô hình chung sẽ tác động ngược lại, làm chậm sự phát triển của ngành xây dựng, giao thông nói chung và của Tổng công ty nói riêng. Để hạn chế rủi ro về kinh tế, Tổng Công ty luôn chú ý xem xét và dự báo khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung sẽ giúp cho việc xây dựng các kế hoạch kinh doanh tốt hơn, đồng thời tiền liệu và chuẩn bị trước các phương án để có thể ứng phó với những tình huống bất lợi có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

1.2 Rủi ro lãi suất

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành lãi suất thông qua hai loại lãi suất chính: lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn. Trên cơ sở các lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hệ thống ngân hàng thương mại sẽ quyết định mức lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay. Mặt bằng lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của các doanh nghiệp.

Những tháng đầu năm 2023, nhiều quốc gia đối mặt với rủi ro suy thoái kinh tế đi kèm lạm phát leo thang, do đó xu hướng thắt chặt tiền tệ là không thể tránh khỏi. Đó cũng là lý do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã có 11 lần tăng lãi suất liên tục (tính từ tháng 03/2022) trong nỗ lực kiểm soát mức lạm phát cao nhất kể từ thập niên 1980. Ngân hàng trung ương châu Âu (ECB) cũng đã có lần thứ 10 tăng lãi suất liên tiếp kể từ tháng 7/2022. Trong bối cảnh các ngân hàng trung ương trên thế giới tăng mạnh lãi suất thì Việt Nam lại có động thái đi ngược.

Cuối năm 2022, giữa bối cảnh các ngân hàng chạy đua tăng lãi suất huy động nhằm thu hút tiền gửi để giải cơn “khát vốn” của doanh nghiệp, kỳ hạn từ 12 tháng phổ biến ở mức trên 10%. Các ngân hàng thương mại, thông qua Hiệp hội ngân hàng, thống nhất khống chế lãi suất huy động tối đa 9,5%/năm kể từ ngày 15/12/2022.

Sang đầu năm 2023, với tình hình khó khăn ngày càng gia tăng của các doanh nghiệp, Nhà nước đã có các chính sách giảm lãi suất, hỗ trợ nguồn vốn cho doanh nghiệp song song với 04 lần điều chỉnh lãi suất với tổng mức giảm từ 0,5% - 2%. Sau lần điều chỉnh cuối cùng, lãi suất cho vay

qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với tổ chức tín dụng giảm từ 5,5%/năm xuống còn 5%/năm; lãi suất tái cấp vốn giảm từ mức 5%/năm xuống 4,5%/năm; lãi suất tái chiết khấu giảm từ mức 3,5%/năm xuống 3%/năm. Lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng giữ ở mức 0,5%/năm, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ mức 5%/năm xuống 4,75%/năm.

Tính chung cả năm 2023, lãi suất huy động đã giảm bình quân 2,5 - 3% so với đầu năm. So với giai đoạn Covid - 19, lãi suất huy động kỳ hạn trên 12 tháng đang thấp hơn khoảng 0,5%, nhưng lại tương đồng ở kỳ hạn 6 - 9 tháng.

Tính đến ngày 27/09/2024, tổng phương tiện thanh toán tăng 5,10% so với cuối năm 2023 (cùng thời điểm năm trước tăng 5,40%), huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 4,79% (cùng thời điểm năm trước tăng 6,63%), tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 8,53% (cùng thời điểm năm trước tăng 6,24%). Lãi suất cho vay giảm, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn, mở rộng sản xuất, kinh doanh. Lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng thương mại trong nước đối với cả các khoản vay mới và các khoản vay cũ còn dư nợ ở mức 6,8 - 9,2%/năm, giảm 0,1% so với tháng 8/2024. Mức lãi suất này cũng đã giảm mạnh gần 1%/năm so với đầu năm 2024 (7,8 - 10,1%/năm). Lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng VND đối với lĩnh vực ưu tiên khoảng 3,7%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (4,0%/năm)..

Với mô hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty, việc sử dụng vốn vay là cần thiết. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng khoản vay từ Ngân hàng để kiểm soát, hạn chế rủi ro lãi suất. Để hạn chế tác động của lãi suất lên hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vốn vay từ ngân hàng và thay bằng các nguồn khác có chi phí vốn thấp hơn. Dự kiến, trong thời gian tới, cùng với chủ trương hạ mức lãi suất ngân hàng, rủi ro lãi suất sẽ giảm đối với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

1.3 Tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái cũng là một nhân tố có tác động không nhỏ đến nền kinh tế của các quốc gia có hoạt động ngoại thương lớn như Việt Nam. Mỗi biến động trên thị trường ngoại hối quốc tế và Việt Nam sẽ có ảnh hưởng ngay tức thì tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cũng như tới cán cân thanh toán quốc gia.

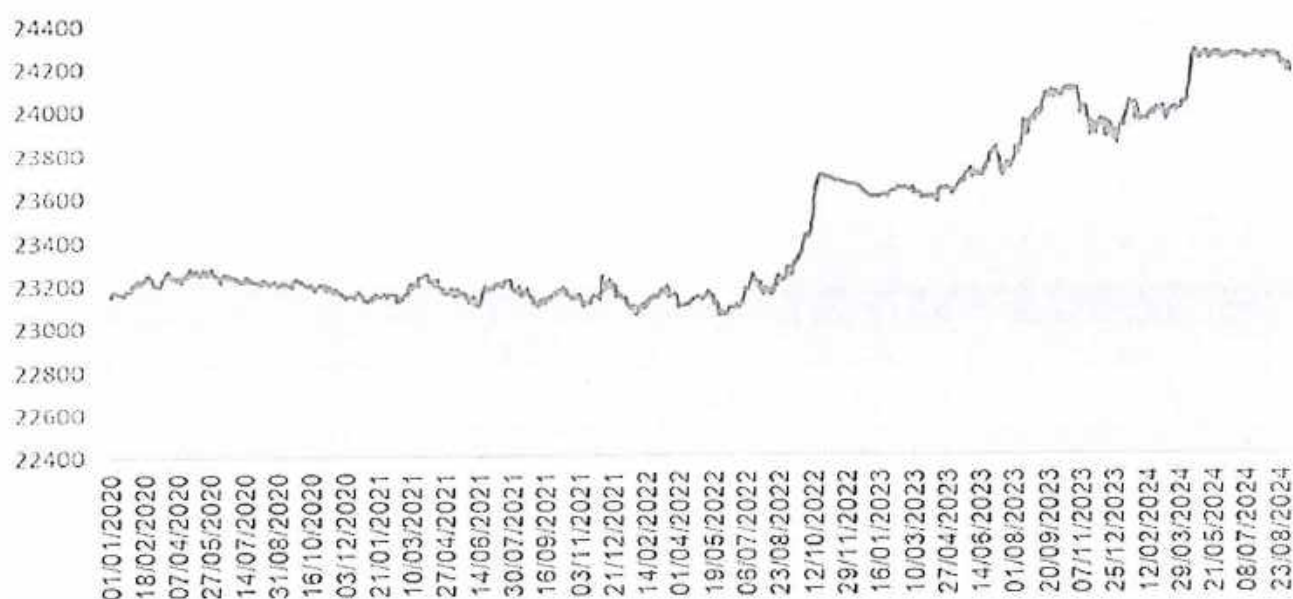
Từ tháng 06 năm 2023, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã tạm dừng tăng lãi suất chấm dứt chuỗi 10 lần tăng lãi suất liên tiếp. Vị thế đồng USD suy yếu làm giảm sức ép lên tỷ giá USD/VND, tạo cơ hội cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) nới lỏng chính sách tiền tệ để hỗ trợ nền kinh tế. Theo đó, diễn biến tỷ giá trung tâm của VND so với USD trong nửa đầu năm 2023 tương

đổi ổn định khi chỉ nhích tăng 0,38% so với đầu năm và tăng 0,27% so với mức đỉnh lập được hồi giữa tháng 10/2022, đạt 23.701 đồng/USD (tính đến ngày 17/07/2023). Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố tỷ giá trung tâm USD/VND ngày 11/09/2023 ở mức 24.005 đồng. Đây cũng là lần đầu tiên, tỷ giá trung tâm vượt mốc 24.000 đồng. Đến ngày 30/09/2024, Tỷ giá USD/VND có xu hướng giảm, tỷ giá trung tâm trên thị trường ngoại hối chính thức ở mức 24.093 VND/USD, giảm 0,54% so với cuối tháng trước và tăng 0,95% so với cuối năm 2023. Với biên độ +/-5%, các ngân hàng thương mại được phép giao dịch trong khoảng 22.888 - 25.298 VND/USD. Tỷ giá trung bình tại các NHTM là 24.540 VND/USD, giảm 1,29% so với cuối tháng trước và tăng 1,15% so với cuối năm 2023. Trên thị trường tự do, tỷ giá USD/VND là 25.115 VND/USD, và tăng 1,51% so với cuối năm 2023.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã điều hành tỷ giá tương đối ổn định, đặc biệt là tỷ giá với các ngoại tệ như Đô la Mỹ, Euro và các ngoại tệ khác tại các quốc gia có quan hệ giao thương đáng kể với Việt Nam nhằm duy trì ổn định vĩ mô trong nước, hỗ trợ đầu tư, sản xuất phát triển. Tuy nhiên, trong thời gian tới, tỷ giá hối đoái có thể tiếp tục chịu nhiều áp lực do lạm phát vẫn ở mức cao, xung đột chính trị giữa các quốc gia vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt, tiềm ẩn các nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và biến động tỷ giá trên thị trường ngoại hối.

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP có các giao dịch mua, bán trong và ngoài nước, có thông qua hoặc sử dụng thanh toán bằng ngoại tệ. Do đó, bất kỳ sự thay đổi tỷ giá nào cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Trong trường hợp VND bị mất giá so với đồng ngoại tệ, TTL sẽ được hưởng lợi từ chênh lệch tỷ giá và ngược lại. Do đó, để hạn chế rủi ro về tỷ giá, Tổng Công ty Thăng Long - CTCP có kế hoạch điều hành hoạt động kinh doanh hợp lý để có thể giảm thiểu ảnh hưởng của việc biến động tỷ giá.

Biểu đồ 2. Tỷ giá trung tâm từ đầu năm 2020 đến ngày 23/08/2024



(Nguồn: SBV)

2. **Rủi ro Pháp luật**

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong mọi hoạt động thường ngày.

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP phải chịu sự chi phối của Pháp luật và các chính sách của Nhà nước, cụ thể: Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Đầu tư; Luật đầu tư công; Luật đấu thầu ... Hiện nay, chính sách pháp luật trong các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty, đặc biệt là trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng giao thông có nhiều sự thay đổi dẫn đến các hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh của Tổng công ty chịu nhiều ảnh hưởng. Để hạn chế các rủi ro về mặt luật pháp, Tổng Công ty luôn chú trọng nắm bắt tình hình mới của luật và nghiên cứu các văn bản quy định có liên quan đến việc thực hiện của công ty và các đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

3. **Rủi ro đặc thù ngành**

3.1 **Rủi ro về hoạt động**

Đặc thù hoạt động của Tổng công ty là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, song song với đó là việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, có nhiều dự án, công trình xây dựng mà chủ đầu tư lập dự toán còn thiếu tương xứng với nguồn vốn đầu tư dẫn tới thời gian thi công bị kéo dài, điều đó càng làm chậm tiến độ giải ngân, thanh quyết toán của các công trình, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng công ty, đôi khi phản ánh không đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty giữa các quý hoạt động cũng như trong năm tài chính.

Để khắc phục rủi ro này, Tổng công ty thực hiện biện pháp tập trung đẩy nhanh tiến độ công trình, tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán thu hồi vốn, thi công đến đâu nghiệm thu ngay đến đó, không để giá trị dở dang nhiều. Các công trình đã thi công xong tập trung quyết toán, đảm bảo lãnh tiền giữ lại để thu hồi vốn nhanh.

3.2 **Rủi ro về thanh toán**

Rủi ro này xuất phát từ đặc thù của ngành xây dựng đó là các dự án thi công thường có thời hạn tương đối dài trong khi vốn đầu tư lớn, các khoản phải thu khách hàng chưa thu hồi được ngay. Do đó Tổng Công ty phải huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để khắc phục các tồn tại trên. Tổng Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp bước đầu mang lại hiệu quả như: thường xuyên rà soát các khoản công nợ phải thu để thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ, giao trách nhiệm cho tập thể/cá nhân đi thu hồi công nợ, tăng cường công tác quyết toán công trình.

3.3 **Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào**

Với đặc thù của một đơn vị thi công xây lắp, chi phí nguyên vật liệu của Tổng công ty chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi phí. Bên cạnh đó công nghệ thi công của Tổng công ty chủ yếu dựa vào hệ máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng; để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu dầu vào là yếu tố không thể thiếu. Tuy nhiên, nguồn nhiên vật liệu hiện nay Tổng công ty sử dụng chịu khá nhiều ảnh hưởng của sự biến động của giá cả nhiên liệu trong nước và thế giới, giá cả các loại vật liệu xây dựng như nhựa đường, xi măng, sắt thép, vật liệu nổ, giá xăng dầu ... đều có xu hướng tăng, do đó tác động không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty.

Xác định được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này, Tổng Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm hạn chế biến động của nguồn nguyên nhiên vật liệu như ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động, ký các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu dài hạn và tạo dựng mối quan hệ làm ăn nhằm hạn chế tối đa rủi ro này.

4. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị Tổng Công ty xuất phát từ việc quản trị Tổng Công ty không tốt, thiếu nhất quán, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và lâu dài, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Tổng Công ty. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Tổng Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Tổng Công ty, ... cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng Công ty, quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

Để khắc phục những rủi ro có thể xảy ra nêu trên, Tổng Công ty luôn hoàn thiện các thể chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cũng như công tác giám sát từ Ban Kiểm soát. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được ĐHDCĐ thông qua.

5. Rủi ro của đợt chào bán

Việc chào bán cổ phần của SCIC tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP có thành công phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: mức độ kỳ vọng của nhà đầu tư vào Tổng Công ty Thăng Long - CTCP; diễn biến của tình hình cung cầu, vốn trên thị trường, nhu cầu cổ phiếu ngành tại thời điểm chào bán.

Đợt bán đấu giá cổ phần này có thể đối mặt với rủi ro bán không thành công toàn bộ số cổ phần chào bán. Đây là một rủi ro hiện hữu, đặc biệt trong tình hình thị trường chứng khoán biến động theo chiều hướng không thuận lợi như hiện nay. Nếu đợt đấu giá không thành công sẽ có những ảnh hưởng nhất định trong kế hoạch của SCIC, theo đó SCIC không thực hiện được việc bán phần vốn tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP.

Tuy nhiên, để giảm thiểu rủi ro nêu trên, SCIC đã thực hiện những biện pháp sau: Thứ nhất, SCIC tiến hành giới thiệu cơ hội đầu tư đến tất cả các nhà đầu tư quan tâm, những người thực sự có nhu cầu và nắm rõ tiềm năng phát triển và thế mạnh của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP và sẵn sàng đầu tư vào Công ty để phát huy những tiềm năng và thế mạnh đó; Thứ hai, SCIC đã khẩn trương phối hợp với tổ chức tư vấn chào bán cổ phần xây dựng và thực hiện lộ trình bán đấu giá cạnh tranh khoa học, hiệu quả, đảm bảo giảm thiểu rủi ro biến động thị trường chứng khoán.

6. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến Công ty như các hiện tượng: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra, chúng có thể ảnh hưởng gây thiệt hại cho tài sản, con người, dự án đang thực hiện và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đại dịch Covid - 19 đã chứng minh đây là rủi ro dịch bệnh hiểm gặp nhưng trong thực tế vừa qua trên toàn thế giới trải qua một đợt đại dịch gây thiệt hại lớn về con người, vật chất, ảnh hưởng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trên diện rộng. Covid-19 đã gây ra cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng hàng hóa trên toàn thế giới, ảnh hưởng nặng đến các ngành kinh tế nói chung và ngành xây dựng nói riêng. Đại dịch đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, hoạt động xây dựng gần như đóng băng, việc sản xuất bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Từ sau đại dịch, các doanh nghiệp đã bắt đầu xây dựng kế hoạch nhằm ứng biến linh hoạt nếu có đại dịch tiếp tục xảy ra.

III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức chào bán cổ phần/Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)

Địa chỉ: Tầng 23-24 Tòa nhà Charmvit, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3824 0703

Fax: (84-24) 6278 0136

Website: www.scic.vn

Ông: **Đình Việt Tùng**

Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

(Quyết định số 152/QĐ-DTKDV ngày 25/5/2022 của Tổng Giám đốc SCIC về việc ủy quyền ký quyết định, văn bản, hồ sơ, hợp đồng, thanh lý hợp đồng và các văn bản liên quan trực tiếp với việc bán cổ phần, bán phần vốn, bán quyền mua của SCIC)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và tài liệu do Tổng Công ty Thăng Long - CTCP cung cấp. Tổng Công ty Thăng Long - CTCP chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức phát hành/Tổ chức có vốn nhà nước được chuyển nhượng**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0915.554.342

Website: www.tlg.com.vn

Ông: **Nguyễn Việt Hà**

Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Chúng tôi xác nhận rằng Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

3. Tổ chức tư vấn chào bán**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Hanoi Tourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 39343888

Fax: (024) 39343999

Website: www.psi.vn

Bà: **Phan Quỳnh Nga**

Chức vụ: **Giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 29/UQ-NDD-CKDK ngày 16/10/2024 của Người đại diện theo pháp luật cho các cấp thuộc PSI)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ tư vấn bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP do Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn và tổ chức bán cổ phần số 245/SCIC-PSI ngày 17/09/2024 với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Bản công bố thông tin này có những lưu ý, điều kiện và hạn chế sau:

Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này dựa vào các thông tin và số liệu trên báo cáo tài chính do Tổng Công ty Thăng Long - CTCP cung cấp và các số liệu liên quan khác được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; cũng như được tham khảo từ các nguồn khác mà chúng tôi coi là đáng tin cậy. SCIC và Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí không chịu trách nhiệm về tính chính xác của các dữ liệu. Các báo cáo tài chính được thu thập và sử dụng trong Báo cáo này bao gồm:

Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt. Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý

III năm 2024 tự lập của Tổng Công ty.

Bản Công bố thông tin này chỉ xem xét những thông tin và điều kiện tồn tại tính đến ngày 30/09/2024. Các sự kiện xảy ra sau ngày 30/09/2024 chưa được xem xét và SCIC, PSI không có nghĩa vụ phải cập nhật lại Bản Công bố thông tin đối với các sự kiện này.

Chúng tôi giả định rằng Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ về hoạt động và kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí, nhân viên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản Công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán, thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP cho SCIC, chính Tổng Công ty Thăng Long - CTCP và các khách hàng khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí và các công ty con, công ty liên kết. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản Công bố thông tin này.

Bản Công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

14

IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM	DIỄN GIẢI
Bản công bố thông tin	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư
Bán đấu giá cổ phần	Việc bán cổ phần Nhà nước của Tổng Công ty Dầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP công khai cho các nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá
Cơ quan quyết định bán đấu giá/ Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng/ Tổ chức chào bán	Tổng Công ty Dầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
Tổ chức có vốn nhà nước chuyển nhượng/ Tổ chức có cổ phần được chào bán/ Công ty/TTL	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP
Nhà đầu tư	Là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền đầu tư mua cổ phần của các doanh nghiệp tại Việt Nam
Tổ chức tư vấn chào bán/PSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
BKS	Ban kiểm soát
BCKT	Báo cáo kiểm toán
BCTC	Báo cáo tài chính
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CBTT	Công bố thông tin
CTCP	Công ty cổ phần
GCNDKKD	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CBNV	Cán bộ nhân viên
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
GDP	Gross Domestic Product - Tổng sản phẩm nội địa
HĐQT	Hội đồng quản trị
TMCP	Thương mại cổ phần
TSCĐ	Tài sản cố định
UBND	Ủy ban Nhân dân
SCIC	Tổng Công ty Dầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội.

V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Thông tin chung**

Tên Công ty:	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC - CÔNG TY TNHH
Tên tiếng Anh:	STATE CAPITAL INVESTMENT CORPORATION
Tên viết tắt:	SCIC
Logo:	
Trụ sở chính:	Tầng 23-24 Toà nhà Charmvit, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại:	024. 3824 0703
Số fax:	024. 6278 0136
Website:	www.scic.vn
Vốn điều lệ:	19.000.000.000.000 đồng (Mười chín nghìn tỷ đồng)
Giấy Chứng nhận ĐKDN:	Số 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 09/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 11/03/2022

1.2. Lĩnh vực hoạt động

Tiếp nhận và quản lý phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do các Bộ, các UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chuyển giao gồm: công ty TNHH MTV; công ty TNHH hai thành viên trở lên; công ty liên doanh có vốn góp của nhà nước; công ty cổ phần được cổ phần hóa từ các doanh nghiệp độc lập 100% vốn nhà nước hoặc mới thành lập; các tập đoàn kinh tế, tổng công ty; và doanh nghiệp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp và phần vốn do SCIC tiếp nhận và trực tiếp đầu tư;

Tiếp tục sắp xếp, cổ phần hóa, bán vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp được chuyển giao theo quy định hiện hành;

Đầu tư vốn vào các Tập đoàn, Tổng công ty, hoặc công ty mẹ hoạt động trong những lĩnh vực, ngành nghề nhà nước cần nắm giữ quyền chi phối; Các dự án theo chỉ định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; Các ngành, lĩnh vực, dự án đem lại hiệu quả kinh tế theo quy định của pháp luật;

Cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị

doanh nghiệp, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp, các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển của tổ chức thực hiện thoái vốn

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị TW 3, Hội nghị TW 9 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, với mục tiêu đổi mới phương thức quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 về thành lập Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), với vai trò là tổ chức kinh tế đặc biệt của Chính phủ, được thành lập để đáp ứng yêu cầu khách quan của quá trình sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Với chức năng quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, sự ra đời của SCIC nằm trong tiến trình cải cách kinh tế nói chung và cải cách DNNN nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước. SCIC là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế nhằm tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc thị trường. SCIC được Chính phủ thành lập là được đi quan trọng trong tiến trình thúc đẩy sắp xếp, đổi mới DNNN. Tiến tới xóa bỏ can thiệp hành chính của các cơ quan Nhà nước vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2006, SCIC quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: dịch vụ tài chính, năng lượng, công nghiệp, viễn thông, xây dựng, vận tải, hàng tiêu dùng, y tế, công nghệ thông tin

SCIC được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển sang mô hình Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 992/QĐ-TTg ngày 10 tháng 06 năm 2010.

Ngày 01 tháng 11 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP về chức năng nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của SCIC.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 147/2017/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 151/2013/NĐ-CP và Nghị định số 148/2017/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của SCIC.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, Bộ Tài chính đã hoàn thành việc bàn giao SCIC về Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Mối quan hệ với Công ty có cổ phần được chào bán

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước là cổ đông nhà nước, cổ đông lớn nắm giữ 25,05% vốn điều lệ tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Đại diện vốn SCIC tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là Ông Nguyễn Trung Hiếu, đại diện sở hữu 10.500.000 cổ phần của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tính đến thời điểm 30/09/2024.

3. Số cổ phần sở hữu

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP chứng nhận số cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh

doanh vốn Nhà nước đầu tư tại Tổng Công ty như sau:

Số lượng cổ phần Tổng Công ty Thăng Long - CTCP của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước đang nắm giữ tại thời điểm 30/09/2024: 10.500.000 cổ phần (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Loại cổ phần phổ thông, được tự do chuyển nhượng.

Giá trị vốn đầu tư của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Tổng Công ty: 105.000.000.000 đồng.

Số lượng cổ phần Tổng Công ty Thăng Long - CTCP của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước dự kiến chào bán: 10.500.000 cổ phần.

Số lượng cổ phiếu Tổng Công ty Thăng Long - CTCP đang niêm yết tại thời điểm 30/09/2024: 41.908.000 cổ phần tương đương vốn điều lệ 419.080.000.000 đồng; Số lượng cổ phiếu Tổng Công ty Thăng Long - CTCP đang lưu hành tại thời điểm 30/09/2024: 41.853.700 cổ phần, Công ty có 54.300 cổ phiếu quỹ.

SCIC chào bán toàn bộ số lượng cổ phiếu đang sở hữu tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, tương đương tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu là 100%.

Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu đang niêm yết: 25,05%.

VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYÊN NHƯỢNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Thông tin chung

Tên giao dịch	:	TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
Tên tiếng Anh	:	THANG LONG JOINT STOCK CORPORATION
Tên viết tắt	:	TLG
Mã cổ phiếu	:	TTL
Logo	:	



Địa chỉ	:	Số 72 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Văn phòng giao dịch	:	Tầng 5, Tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
GCNĐKKD	:	Số 0100105020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 08 năm 2024.
Vốn điều lệ theo giấy ĐKDN	:	419.080.000.000 đồng (Bốn trăm mười chín tỷ không

		<i>trăm tám mươi triệu đồng)</i>
Vốn điều lệ thực góp	:	419.080.000.000 đồng (<i>Bốn trăm mười chín tỷ không trăm tám mươi triệu đồng</i>)
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phần đang niêm yết	:	41.908.000 cổ phần (<i>Bốn mươi một triệu chín trăm linh tám nghìn cổ phần</i>)
Số lượng cổ phần đang lưu hành	:	41.853.700 cổ phần (<i>Bốn mươi một triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm cổ phần</i>)
Số cổ phiếu quỹ	:	54.300 cổ phiếu (<i>Năm mươi tư nghìn ba trăm cổ phiếu</i>)
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần (<i>Mười nghìn đồng trên một cổ phần</i>)
Điện thoại	:	0915.554.342
Website	:	www.tlg.com.vn
Ngành nghề kinh doanh:		

Bảng 1. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	4212	Xây dựng công trình đường bộ
2	2013	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
3	2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic
4	2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
5	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
6	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
7	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu
8	2790	Sản xuất thiết bị điện khác
9	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
10	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
11	3830	Tái chế phế liệu
12	4101	Xây dựng nhà để ở
13	4102	Xây dựng nhà không để ở
14	4211	Xây dựng công trình đường sắt
15	4221	Xây dựng công trình điện
16	4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc

17	4291	Xây dựng công trình thủy
18	4292	Xây dựng công trình khai khoáng
19	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
20	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
21	4311	Phá dỡ
22	4312	Chuẩn bị mặt bằng
23	4321	Lắp đặt hệ thống điện
24	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
25	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
26	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
27	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
28	4512	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá theo Điều 23, 24, 25 Luật Đấu giá tài sản năm 2016)
29	4513	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá theo Điều 23, 24, 25 Luật Đấu giá tài sản năm 2016)
30	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
31	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá)
32	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
33	4659	Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng
34	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
35	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
36	4690	Bán buôn tổng hợp (trừ dược phẩm)
37	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
38	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
39	4940	Vận tải đường ống
40	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
41	5224	Bốc xếp hàng hóa
42	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
43	6612	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán Chi tiết: Môi giới lợp đồng hàng hóa

H

D

e

44	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư
45	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản -
46	6820	Sản giao dịch bất động sản - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản (Theo Điều 62, Điều 69, Điều 74, Điều 75 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)
47	7010	Hoạt động của trụ sở văn phòng
48	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Thiết kế công trình cầu, đường bộ - Giám sát thi công xây dựng công trình cầu, đường bộ - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp - Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ, dân dụng và công nghiệp - Giám sát công trình thủy lợi - Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán công trình xây dựng (chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề)
49	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
50	7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng - Thiết kế đồ họa
51	7710	Cho thuê xe có động cơ
52	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
53	7830	Cung ứng và quản lý nguồn lao động
54	8211	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp
55	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

(Nguồn: TTL)

1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Tổng Công ty

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tiền thân là Xí nghiệp Liên hợp Cầu Thăng Long được thành lập theo Quyết định số 2896/QĐ-TC ngày 06/07/1973 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải gồm nhiều xí nghiệp thành viên hạch toán tập trung với nhiệm vụ đầu tiên là xây dựng cầu Thăng Long (1973-1985) - cây cầu lớn nhất thời bấy giờ có quy mô 2 tầng: tầng dưới là đường sắt và đường bộ, tầng trên là đường ô tô rộng 23m với tổng chiều dài toàn cầu trên 10km.

Ngày 19/02/1984, Xí nghiệp Liên hợp Cầu Thăng Long được đổi tên thành Liên hiệp các xí nghiệp xây dựng cầu Thăng Long.

Ngày 11/03/1992, Bộ Giao thông Vận tải và Bưu điện đã ra Quyết định số 395 đổi tên “Liên hiệp các xí nghiệp xây dựng cầu Thăng Long” thành “Tổng công ty Xây dựng cầu Thăng Long”.

Đến năm 1995, Tổng công ty Xây dựng cầu Thăng Long được tổ chức lại theo Quyết định

số 4987/QĐ-TCCBLD ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Ngày 22/04/1998, Tổng công ty Xây dựng cầu Thăng Long được đổi tên thành Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long theo Quyết định số 934/1998/QĐ-TCCB-LĐ của Bộ Giao thông vận tải.

Ngày 20/12/2006, Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 2854/QĐ-BGTVT thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty xây dựng Thăng Long.

Đến năm 2010, Công ty mẹ - Tổng công ty xây dựng Thăng Long được chuyển thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1762/QĐ-BGTVT ngày 25/06/2010 của Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện Quyết định số 49/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2013 của Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty đã thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty. Ngày 06/01/2014, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 23/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng Thăng Long thành công ty cổ phần.

Sau Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất tổ chức ngày 07/05/2014, Tổng công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long - CTCP. Tổng công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chính thức cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần vào ngày 28/05/2014, với vốn điều lệ ban đầu là 300 tỷ đồng.

Ngày 24/11/2014, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4, Tổng công ty chính thức đổi tên thành Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Từ đó đến nay, Tổng Công ty đã 05 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Lần thứ 05 ngày 03/02/2015, lần thứ 06 ngày 21/05/2015, lần thứ 07 ngày 06/07/2015, lần thứ 08 ngày 19/08/2021 và lần thứ 9 ngày 20/08/2024).

Ngày 18/01/2018, cổ phiếu của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TTL.

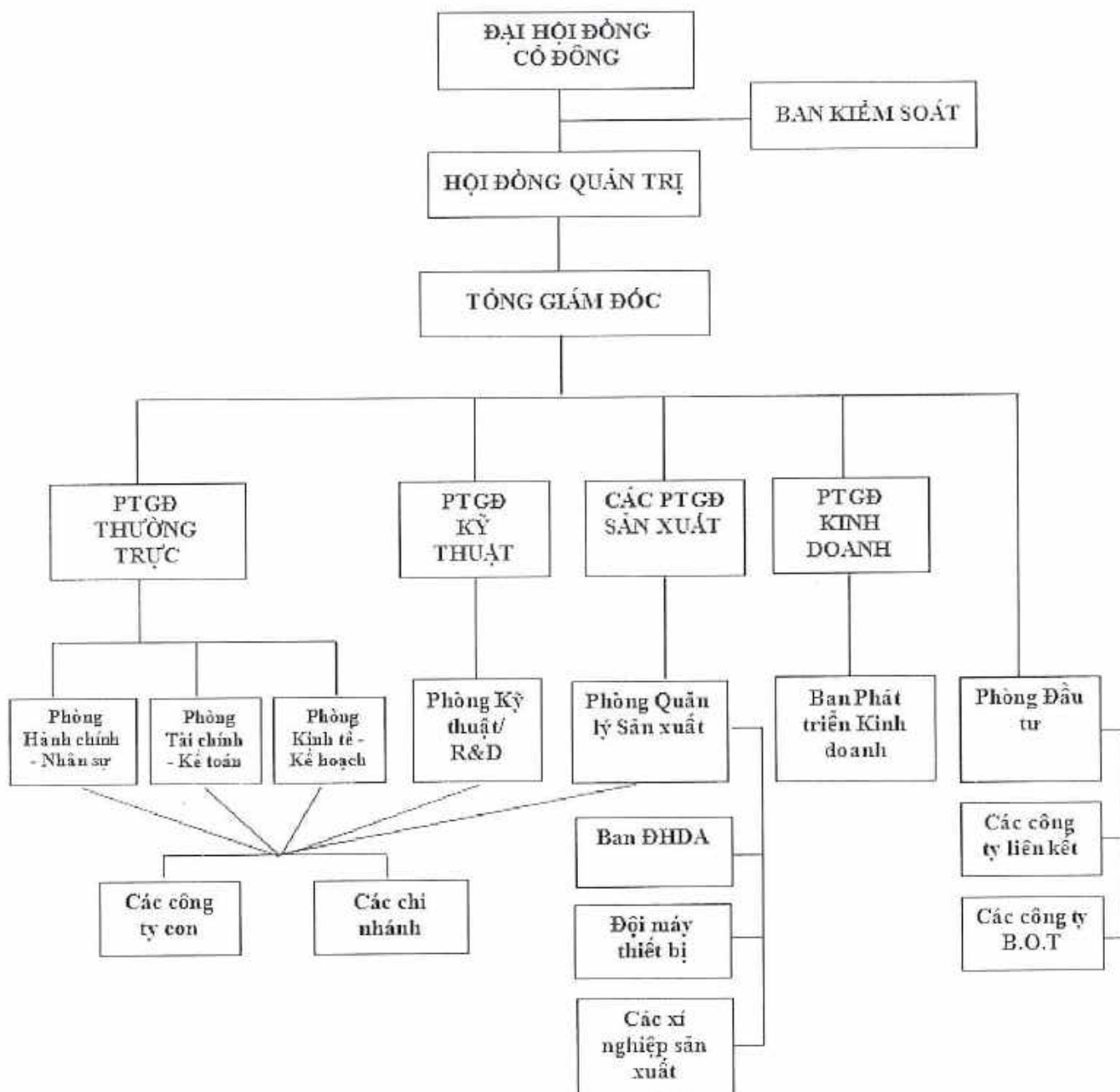
Sau hơn 50 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty đã xây dựng hàng trăm cây cầu lớn, hàng nghìn công trình dân dụng, công trình giao thông, bến cảng, sân bay như: cầu Kiền, cầu Sông Gianh, cầu Phù Đồng, cầu Vĩnh Tuy, cầu Hoàng Long, cầu đường sắt, cầu Pá Uôn, đường cao tốc Sài Gòn - Trung Lương, đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Quốc lộ 3, các nút giao cầu vượt thép tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh ... Tất cả các dự án trên dù ở nhiều điều kiện địa hình, địa chất phức tạp đều được triển khai thi công an toàn, đảm bảo tiến độ, chất lượng, mỹ thuật, được các chủ đầu tư, tư vấn đánh giá cao. Cùng với việc khẳng định thương hiệu của một trong những đơn vị dẫn đầu ngành xây dựng cơ sở hạ tầng, Tổng công ty đã thể hiện hiệu quả vai trò nhà đầu tư thông qua các dự án tiêu biểu như: Dự án BOT cầu Yên Lệnh, Yên Lệnh - Vực Vòng, Dự án BOT đường 188 ... Từ khi thành lập cho đến nay, Tổng Công ty Thăng Long - CTCP luôn phấn đấu thực hiện hoàn thành nhiệm vụ cơ quan cấp trên giao chủ động, sáng tạo và đoàn kết của tập thể cán bộ nhân viên công ty, đồng thời thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu đóng góp nghĩa vụ và bảo toàn nguồn vốn của Nhà nước.

2. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty

2.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Điều lệ của Công ty. Tổng Công ty Thăng Long - CTCP có cơ cấu tổ chức bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và các Phòng và Khối chức năng nhiệm vụ, cụ thể mô hình tổ chức và bộ máy quản lý Tổng công ty hiện nay.

Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP



(Nguồn: TTL)

2.2 Cơ cấu bộ máy tổ chức của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP

❖ Đại hội đồng cổ đông

DHDCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. DHDCĐ thường niên được tổ chức

mỗi năm một lần và phải được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

❖ **Ban kiểm soát**

BKS gồm ba (03) thành viên. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Tổng Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền nhân danh Tổng công ty để tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ của Tổng Công ty.

❖ **Ban điều hành**

Có nhiệm vụ điều hành việc thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đưa ra nhằm thực hiện các chiến lược, kế hoạch của Tổng công ty. Ban điều hành của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP hiện tại bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc.

❖ **Phòng Hành chính - Nhân sự**

Có chức năng cung cấp hiệu quả các dịch vụ hành chính văn phòng; đảm bảo trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác điều hành và sản xuất và có trách nhiệm xây dựng chính sách, hệ thống quản lý nguồn nhân lực hiệu quả; quản lý và phát triển nguồn nhân lực hiệu quả; đảm bảo cung cấp hiệu quả các yêu cầu dịch vụ nhân sự: tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng, bảo hiểm xã hội, và các chế độ đãi ngộ; đảm bảo tính tuân thủ các quy định của nội bộ và pháp luật đối với quan hệ lao động; chủ trì công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật nhân sự theo đúng quy chế của nội bộ và quy định của pháp luật ...

❖ **Phòng Tài chính - Kế toán**

Tham mưu giúp HĐQT/TGĐD trong việc chỉ đạo và quản lý thống nhất các mặt hoạt động về tài chính, kế toán của Tổng công ty theo đúng luật kế toán và các chính sách do Nhà nước ban hành; đảm bảo thực hiện công tác hạch toán kế toán và lưu trữ chứng từ kế toán, sổ sách kế toán theo đúng các quy định; thực hiện giải ngân các khoản vay và thanh toán theo đúng quy định của Tổng công ty; kê khai và quyết toán các loại thuế liên quan, báo cáo thuế theo đúng quy định của Nhà nước;

đảm bảo hiệu quả việc thẩm định về mặt tài chính các dự án đầu tư; phân tích, đề xuất phương hướng, biện pháp cải tiến quản lý hoạt động tài chính kế toán hàng năm...

❖ **Phòng Kinh tế - Kế hoạch**

Phòng Kinh tế - Kế hoạch Tổng công ty có chức năng tham mưu, giúp việc HĐQT, Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực về xây dựng định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư; công tác thống kê tổng hợp, điều độ sản xuất kinh doanh; công tác lập dự toán, quản lý hợp đồng kinh tế và thanh quyết toán hợp đồng kinh tế; công tác đấu thầu, tổ chức sản xuất kinh doanh, theo dõi, quản lý, kiểm tra và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh; công tác sản xuất kinh doanh khác: tiếp thị, tìm kiếm và phát triển thị trường trong và ngoài nước theo chiến lược của Tổng Công ty.

❖ **Phòng Kỹ thuật/R&D**

Phòng kỹ thuật/R&D có trách nhiệm chủ trì xây dựng các phương án kỹ thuật trong Hồ sơ đấu thầu các dự án, chủ trì thiết kế bản vẽ thi công, biện pháp tổ chức thi công, đảm bảo huy động máy móc thiết bị đáp ứng yêu cầu của sản xuất; chịu trách nhiệm trong các hoạt động kỹ thuật công nghệ hi công, sản xuất, ứng dụng tại Tổng công ty. Chịu trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu và đề xuất các ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

❖ **Phòng Quản lý sản xuất**

Phòng Quản lý sản xuất, các Ban điều hành dự án và các Xí nghiệp sản xuất. Nhiệm vụ là đảm bảo tiến độ thi công, chất lượng dự án; đảm bảo quản lý giá trị sản phẩm dở dang và thu hồi công nợ hiệu quả, đảm bảo việc lựa chọn Nhà thầu phụ, đơn vị sản xuất trực tiếp,...

❖ **Ban Phát triển kinh doanh**

Ban Kinh doanh chịu trách nhiệm xúc tiến, tìm kiếm các hợp đồng, dự án mới cho Tổng công ty; đảm bảo hiệu quả công tác tìm kiếm và đánh giá cơ hội đầu tư các sản phẩm đầu tư; đảm bảo doanh số bán hàng sản phẩm đầu tư; kiểm soát chi phí Marketing và bán hàng sản phẩm đầu tư; xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn và trung hạn phù hợp với chiến lược kinh doanh và điều kiện thực tế.

❖ **Phòng Đầu tư**

Là đơn vị chuyên môn tham mưu công tác xây dựng chiến lược đầu tư tài chính, đảm bảo bảo toàn, ổn định và phát triển vốn, phát huy cao nhất hiệu quả nguồn vốn và tài sản hiện có của Tổng Công ty. Trực tiếp quản lý vốn của Tổng Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác.

❖ **Công ty con**

Là các công ty có cổ phần/vốn góp của Tổng công ty trên 50 % vốn điều lệ hoạt động theo Luật doanh nghiệp dưới hình thức công ty cổ phần/TNHH 2 thành viên hoạt động trong lĩnh vực thi công cầu đường hoặc quản lý thu phí. Hiện nay, Tổng Công ty có 03 công ty con là CTCP Cầu 1 Thăng Long, CTCP Cầu 35 Thăng Long và Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh.

❖ Các Chi nhánh

Là các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc 1 phần chức năng của Doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành nghề kinh doanh của các chi nhánh đều đúng với ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty. Hiện nay, Tổng Công ty có 03 chi nhánh là Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long tại TP. Hồ Chí Minh, Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long tại Campuchia và Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - Xi nghiệp Thăng Long 5 tại Hà Nội.

❖ Ban điều hành dự án

Là cơ quan đại diện cho Tổng Công ty quản lý, điều hành, tổ chức thi công dự án đạt chất lượng và tiến độ ghi trong hợp đồng. Ban điều hành dự án có nhiệm vụ chuẩn bị triển khai thi công; Quản lý và giám sát thi công (tiến độ, chất lượng, chi phí, HSE), quản lý thầu phụ, nghiệm thu, bàn giao. Thực hiện hồ sơ, thủ tục thanh, quyết toán.

❖ Đội máy thiết bị

Có nhiệm vụ tổ chức bảo dưỡng, vận hành thiết bị, vật tư do Tổng Công ty đầu tư. Xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị; Huy động/cho thuê máy móc thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất. Đề xuất các giải pháp công nghệ để cải tiến hoàn cải máy móc và thiết bị. Trực tiếp quản lý toàn bộ máy móc, thiết bị và vật tư thi công. Biên soạn, hướng dẫn các quy trình kỹ thuật về vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa các máy móc thiết bị, định mức tiêu hao nhiên liệu, định mức hoàn thành khối lượng công việc.

❖ Các Xi nghiệp sản xuất

Được thành lập để thi công/tổ chức sản xuất các hạng mục công trình do Tổng Công ty giao, không có con dấu, tư cách pháp nhân, có trách nhiệm tổ chức bộ máy theo quy định của Tổng Công ty, có trách nhiệm hoàn thành các mục tiêu được Tổng Công ty giao.

❖ Các công ty liên kết

Là các công ty mà có cổ phần, vốn góp của Tổng Công ty từ 50% vốn điều lệ trở xuống hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần/TNHH 2 thành viên. Hiện nay, Tổng Công ty có 01 công ty liên kết là Công ty TNHH BOT đường 188.

❖ Công ty B.O.T

Là các công ty được thành lập để quản lý các dự án B.O.T về cầu đường, có phần vốn góp của Tổng Công ty ngay từ khi thành lập. Hiện nay có 02 công ty B.O.T là Công ty TNHH BOT đường 188 và Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh. Các công ty này hoạt động chủ yếu hiện nay là thu phí cầu đường và tổ chức duy tu sửa chữa các tuyến đường B.O.T.

3. Hoạt động sản xuất kinh doanh**3.1 Sản phẩm dịch vụ chính của Tổng Công ty**

Là một đơn vị có truyền thống về xây dựng công trình giao thông, Tổng công ty Thăng Long - CTCP đang tập trung vào các lĩnh vực chính như sau: Xây dựng các công trình đường sắt và đường

bộ, đầu tư công trình hạ tầng cơ sở, tư vấn thiết kế và dịch vụ kỹ thuật, cung cấp vật liệu và thiết bị.

Với hơn 50 năm hình thành và phát triển, từ tiền thân là Liên hiệp các xí nghiệp xây dựng cầu Thăng Long, đến nay, Tổng công ty Thăng Long - CTCP đã lớn mạnh, trở thành một thương hiệu mạnh, có uy tín hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông không chỉ trong ngành giao thông vận tải mà vươn lên tầm quốc gia trong vai trò nhà thầu chủ lực. Tổng Công ty Thăng Long - CTCP có thế mạnh đặc biệt về thi công cầu và đường, hiện có đội ngũ chuyên gia tư vấn thiết kế nhiều kinh nghiệm, nhiệt huyết, đội ngũ kỹ sư giỏi, công nhân lành nghề và ứng dụng được nhiều công nghệ tiên tiến là nhân tố then chốt trong các dự án xây dựng công trình giao thông. Tổng Công ty được đánh giá là một trong những đơn vị xây lắp có nguồn lực tài chính và thi công thuộc loại chắc chắn, trong ngành giao thông vận tải. Hầu hết các công trình do Tổng công ty thi công đều đảm bảo tiến độ, được đánh giá cao về chất lượng và mỹ thuật.

Một số hình ảnh công trình tiêu biểu mà Tổng công ty Thăng Long đã thực hiện như sau:



Hình ảnh 1: Cảng hàng không quốc tế Nội Bài (2000)



Hình ảnh 2: Cảng Chân Mây Thừa Thiên Huế (2006)



Hình ảnh 3: Cầu Cần Thơ Gối thầu P1 - Cầu dẫn phía Vĩnh Long thuộc dự án cầu Cần Thơ (2005 - 2009)



Hình ảnh 4: Cầu Thăng Long bắc qua sông Hồng nối sân bay quốc tế Nội Bài với trung tâm TP. Hà Nội (1974 - 1985)



Hình ảnh 5: Cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết Dự án trọng điểm đặc biệt quốc gia



Hình ảnh 6: Cầu Rào thông xe năm 2022

3.4 Chính sách chất lượng

Chất lượng là mục tiêu và động lực cho Tổng công ty tồn tại và phát triển. Tổng Công ty Thăng Long - CTCP liên tục sản xuất và cung cấp những sản phẩm chất lượng tốt nhất, thời gian giao hàng đúng hạn nhằm thỏa mãn và nhận được sự tin tưởng từ phía khách hàng dựa trên các nền tảng sau:

Xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015;

Không ngừng đổi mới cơ chế quản lý, áp dụng những công nghệ tiên tiến vào quá trình quản lý, sản xuất để nâng cao hiệu quả SXKD và chất lượng sản phẩm;

Nâng cao nguồn lực thông qua tổ công tác tổ chức giáo dục, đào tạo cho CBNV về chuyên môn và trình độ quản lý;

Nâng cao năng suất - chất lượng và thực hiện tốt các nội dung An toàn lao động - Vệ sinh môi trường trong toàn Tổng Công ty;

Nâng cao năng lực lập kế hoạch mục tiêu ở mọi cấp trong Tổng Công ty;

Tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong toàn Tổng Công ty và từng bước nâng cao đời sống cho người lao động.

3.5 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty

3.5.1. Các công trình tiêu biểu trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 2. Các công trình tiêu biểu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty

STT	Tên công trình	Địa điểm	Giá trị hợp đồng (Triệu đồng)	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	
					Khởi công	Hoàn thành
1	Cầu Thăng Long	Hà Nội	(*)	Bộ GTVT	1973	1985
2	Cầu Bến Thủy	TP. Vinh	17.524	Bộ GTVT	1986	1990
3	Cầu Việt Trì	Phủ Thọ	117.263	Bộ GTVT	1987	1995
4	Cầu Mẹt	Lạng Sơn	3.848	Bộ GTVT	1993	1996
5	Cầu Sông Gianh	Quảng Bình	21.323	Ban QLDA 85 - Bộ GTVT	1995	1998
6	Cầu Hoàng Long và cầu Hàm Rồng vượt - Gói thầu 4 - Dự án cải tạo và nâng cấp quốc lộ 1 (tỉnh Thanh Hoá)	Thanh Hóa	165.540	Ban QLDA 18 - Bộ GTVT	1997	2000
7	6 cầu đoạn Hà Nội - Vinh Gói thầu 1 - Dự án cải tạo và nâng cấp quốc lộ 1 (Từ tỉnh Hà Nam đến tỉnh Nghệ An)	Từ Hà Nam đến Nghệ An	309.971	Ban QLDA 18 - Bộ GTVT	1996	2000

8	6 cầu đường sắt - Gói thầu 2 - Dự án cải tạo và nâng cấp cầu đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh	Từ Hà Tĩnh Bình Định	238.309	Ban QLDA đường sắt Bộ GTVT	1998	2000
9	Cầu Trung Hà Quốc lộ 3 (Tỉnh Hà Tây)	Hà Tây	84.970	Ban QLDA Thăng Long Bộ GTVT	1999	2002
10	Cầu Kiên - Gói thầu B5 - Dự án nâng cấp cải tạo quốc lộ 10 (TP. Hải Phòng)	QL10 - Hải Phòng	316.422	Ban QLDA 18 - Bộ GTVT	2001	2003
11	Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn từ Km 164+000 - Km 321+000 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình và Quảng Trị	Từ Thanh Hóa - Quảng Trị	677.086	Ban QLDA đường Hồ Chí Minh Bộ GTVT	2000	2003
12	Dự án cải tạo quốc lộ 18 - Gói thầu 1: đoạn Nội Bài - Bắc Ninh (làm mới)	QL18 đoạn Nội Bài - Bắc Ninh	433.839	Ban QLDA 2 - Bộ GTVT	2001	2003
13	Cầu Bồng Sơn, Bàn Thạch, Đà Rằng, Tam Giang và Diêu Trì - Gói thầu 3 Dự án nâng cấp cải tạo quốc lộ 1 (giai đoạn II-3)	Quốc lộ 1	616.680	Ban QLDA 18 - Bộ GTVT	2001	2004
14	Dự án cải tạo quốc lộ 18 - Gói thầu 1A: Mở rộng đoạn Nội Bài - Bắc Ninh	QL18 đoạn Nội Bài - Bắc Ninh	583.065	Ban QLDA 2 - Bộ GTVT	2005	2008
15	Cầu Vĩnh Tuy	Hà Nội	310.973	Ban QLDA Hạ tầng Tả Ngạn	2005	2009
16	Dự án đường ô tô cao tốc TP Hồ Chí Minh Trung Lương	TP HCM và Long An	1.200.000	Ban QLDA Mỹ Thuận Bộ GTVT	2005	2009
17	Dự án xây dựng cầu Sông Hồng (Thanh Trì) Gói thầu 3A: Cầu cạn Pháp Vân kéo dài	Hà Nội	993.351	Ban QLDA - Bộ GTVT	2008	2010
18	Dự án xây dựng cầu Thanh Trì (cầu Sông Hồng) - Gói thầu 6: cầu Phù Đổng II	Hà Nội	495.025	Ban QLDA Thăng Long Bộ GTVT	2008	2012

19	Dự án XD đường vành đai 3 (giai đoạn 2) - Gói thầu 3: đoạn Thanh Xuân - Bắc hồ Linh Đàm	Hà Nội	1.338.000	Ban QLDA Thăng Long Bộ GTVT	2010	2012
20	Dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt tuyến HN - TP HCM - Gói thầu CP2: 10 cầu đường sắt	Từ Thừa Thiên Huế - Quảng Nam	1.087.000	Ban QLDA đường sắt TCT đường sắt Việt Nam	2010	2012
21	Dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt tuyến HN - TP HCM - Gói thầu CP1D: 7 cầu đường sắt	Từ Thừa Thiên Huế - Quảng Nam	662.479	Ban QLDA đường sắt TCT đường sắt Việt Nam	2011	2013
22	Hợp đồng số 81/HĐ-XD, Gói thầu số 12: Xây dựng cầu dẫn Đông Trú phía Đông Anh và đường gom phía đê Bắc Đuống từ Km14+200 đến Km14+796 thuộc dự án Xây dựng đường 5 kéo dài	Hà Nội	738.163	Ban Quản lý dự án Hạ Tầng Tả Ngạn	2006	2014
23	Hợp đồng số 2068/HĐ-PMUTL. Gói thầu số 1: Xây dựng hoàn chỉnh nút giao giữa dự án cầu Thanh Trì với QL5	Hà Nội	817.488	Ban QLDA Thăng Long Bộ GTVT	2014	2015
24	04 gói thầu Quốc lộ 1 đoạn Nha Trang Khánh Hòa	Khánh Hòa	414.112	Ban QLDA 7	2013	2015
25	Hợp đồng số 173/HĐ-KQL2-QLDA3 xây dựng cầu Rạch Chiếc trên đường vành đai phía Đông	TP Hồ Chí Minh	570.880	Khu Quản lý Giao Thông đô thị số 2	2014	2016
26	Hợp đồng số 73: Thi công cầu vượt nút giao Km1+750 (Ecopark)	Hưng Yên	121.540	CTCP Tập đoàn Ecopark	2019	2019
27	Dự án hầm chui Tây Nam - Bắc Ninh	Bắc Ninh	158.207	Ban QLDA XD TP. Bắc Ninh	2017	2020
28	Nút giao Nam Cầu Bình	Hải Phòng	137.058	Ban QLDA đầu tư XD các công trình giao thông Hải Phòng	2018	2020

29	Xây dựng cầu vượt đường sắt Bắc Nam và Quốc lộ 1 (217)	Thanh Hóa	60.289	Ban QLDA Thăng Long	2017	2020
30	Cầu Phật Tích	Bắc Ninh	250.536	Ban QLDA XDGT Bắc Ninh	2018	(**)
31	Gói thầu số 5: Cầu vượt dân sinh Quế Võ - Bắc Ninh	Bắc Ninh	12.600	Ban QLDA XDGT Bắc Ninh	2018	2018
32	Cầu Bưng	TP Hồ Chí Minh	78.397	Ban QLDA đầu tư XD các công trình giao thông	2018	2022
33	Cầu Tăng Long	TP Hồ Chí Minh	54.024	Ban QLDA đầu tư XD các công trình giao thông	2017	(**)
34	Gói thầu số 6 - Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Thuộc Dự án: Hoàn chỉnh đường trục chính phù hợp với tiêu chuẩn đường cao tốc và xây dựng tuyến đường gom từ đường cao tốc đến sân bay Vân Đồn	Quảng Ninh	354.591	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh	2019	2021
35	Cầu Quang Thanh	Hải Phòng	398.600	Ban QLDA đầu tư XD các công trình giao thông Hải Phòng	2020	2021
36	Gói thầu số 4-XL: thi công xây dựng đoạn Km83+000 - Km99+000 của cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	Đồng Nai	1.020.000	Ban QLDA Thăng Long - Bộ GTVT	2020	(**)
37	Gói thầu: CV-A2.9-NDTDP cụm công trình kênh nổi Đáy - Ninh Cơ thuộc Dự án Phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ - Dự án WB6	Nam Định	184.211	Ban QLDA đường thủy - Bộ GTVT	2020	(**)
38	Gói thầu số 27: Xây dựng cầu và nút giao thông cầu Rào 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Rào 1.	Hải Phòng	1.046.596	Ban QLDA khu vực các công trình giao thông vận tải Hải Phòng	2020	(**)

39	Gói thầu số 04: Xây dựng + Hạng mục chung công trình Cải tạo, nâng cấp tuyến đường TT.412 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng di Suối Hai)	Ba Vì	156.700	Ban QLDA ĐTXD huyện Ba Vì	2020	(**)
40	Gói thầu số 08: Thi công xây dựng các hạng mục bổ sung và di chuyển, hoàn trả các công trình hạ tầng chuyên ngành thuộc dự án ĐTXD nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt HN - HP, QL5 và đường 390, tỉnh Hải Dương	Hải Dương	154.089	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Hải Dương	2020	(**)
41	Gói thầu XL01: Thi công xây dựng đoạn Km134+000 - Km154+000, nút giao Vĩnh Hảo và tuyến nối QL1 (bao gồm khảo sát, thiết kế BVTC) thuộc Dự án thành phần đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết	Đồng Nai	1.687.824	Ban QLDA 7	2020	(**)
42	Gói thầu số 12: Thi công xây dựng phần đường cao tốc, cầu Dải Ván, cầu Dải Xuyên 1, cầu cạn Km 83+200, cầu Tiên Yên, cầu Tiên Yên 2 và hệ thống điện chiếu sáng (bao gồm công tác khảo sát, thiết kế BVTC và bảo đảm giao thông thủy cầu Tiên Yên 1)	Quảng Ninh	2.180.618	Ban QLDA đầu tư xây dựng các CTGT tỉnh Quảng Ninh	2021	(**)
43	Gói thầu số 20: Thi công xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng từ ĐT.353 đến cầu Thái Bình (Km0 - Km19+645)	Hải Phòng	717.865	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2021	(**)
44	Gói thầu Thi công xây dựng cầu Bến Mới thuộc dự án Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các Quốc lộ (giai đoạn I)	Ninh Bình	145.880	Ban QLDA 2	2022	(**)

45	Thi công xây dựng công trình thuộc dự án Xây dựng cầu Như Nguyệt, tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	120.207	Ban QLDA DTXD các công trình giao thông nông nghiệp tỉnh Bắc Giang	2022	(**)
46	Xây dựng cầu Kênh Đào - Km2+200, cầu Tổ hợp - Km 3+600 (Bao gồm khảo sát, thiết kế BVTC và đảm bảo an toàn giao thông thủy cầu Tổ hợp)	Quảng Ninh	356.320	Ban QLDA đầu tư xây dựng các CTGT tỉnh Quảng Ninh	27/12/2022	(**)
47	Thi công xây dựng đoạn Km0+000 ÷ Km24+000 (bao gồm khảo sát, TKBVTC) Dự án thành phần đoạn Chí Thạnh - Vân Phong	Phú Yên	789.314.	Ban QLDA 7	15/02/2023	(**)
48	Thi công xây dựng đoạn Km47+000 - Km66+965,91 (bao gồm khảo sát, TKBVTC) Dự án thành phần đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh	Phú Yên	1.544.287	Ban QLDA 85	20/02/2023	(**)
49	Thi công xây dựng công trình Liên kết vùng miền Trung tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	552.341	Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam	27/06/2023	(**)
50	Thi công xây dựng và lập TKBVTC công trình Hệ thống giao thông kết nối tuyến số 1 và tuyến số 2 của Dự án thành phần 3 - Các công trình thiết yếu trong cảng hàng không thuộc Dự án đầu tư xây dựng Cảng HKQT Long Thành giai đoạn I	Đồng Nai	317.333	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	10/07/2023	(**)
51	Hợp đồng thi công xây dựng công trình dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT - Gói thầu EC01: Thiết kế và thi công xây	Lạng Sơn	107.601	CTCP Tập đoàn Đèo Cả	03/06/2024	(**)

	dựng đường cao tốc đoạn Km1+800-Km14+500 (bao gồm cả cầu); hạng mục: Thi công cầu Km9+735; cầu Km10+125; cầu Km14+080				
52	Hợp đồng thi công xây dựng công trình dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT - Gói thầu: Thiết kế và thi công xây dựng đường cao tốc đoạn Tân Thanh - Cốc Nam (bao gồm cả cầu và trạm thu phí); hạng mục: Thi công cầu Km0+430	Lạng Sơn	154.500	CTCP Tập đoàn Đèo Cả	03/06/2024 (**)

(*): Công trình đã được triển khai, đầu tư qua thời gian dài và nhiều giai đoạn.

(**): Đến thời điểm ban hành bản Công bố thông tin này, công trình đang trong quá trình triển khai.

(Nguồn: TTL)

3.5.2. Giải thưởng Tổng Công ty đã đạt được

Trong hơn 50 năm xây dựng và phát triển, Tổng Công ty Thăng Long - CTCP đạt được nhiều khen thưởng từ Chính phủ, các Bộ, ban ngành, các Tỉnh về chất lượng và tiến độ công trình đã thi công. Trong đó có những phần thưởng cao quý nhất từ Chính phủ:

STT	Giải thưởng	Số lượng
1	Huân chương Độc Lập Hạng Nhất năm 1988, 2008, 2013	03
2	Huân chương Hồ Chí Minh năm 1985	01

(Nguồn: TTL)

3.5.3. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết của Tổng Công ty

Bảng 3. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết có giá trị trên 100 tỷ đồng giai đoạn 2020 - 2024

STT	Tên khách hàng	Hợp đồng		Giá trị (Đồng)
		Ngày	Nội dung	
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	03/06/2024	Hợp đồng thi công xây dựng công trình dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT - Gói thầu: Thiết kế và thi công xây dựng đường cao tốc đoạn Tân Thanh - Cốc Nam (bao gồm cả cầu và trạm thu phí); hạng mục: Thi công cầu Km0+430	154.500.416.000

2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dèo Cả	03/06/2024	Hợp đồng thi công xây dựng công trình dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT - Gói thầu EC01: Thiết kế và thi công xây dựng đường cao tốc đoạn Km1+800 - Km14+500 (bao gồm cả cầu); hạng mục: Thi công cầu Km9+735; Cầu Km10+125; Cầu Km14+080	107.601.904.000
3	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	10/07/2023	“Thi công xây dựng và lắp TKBVT công trình Hệ thống giao thông kết nối tuyến số 1 và tuyến số 2” của Dự án thành phần 3 - Các công trình thiết yếu trong cảng hàng không thuộc Dự án đầu tư xây dựng Cảng HKQT Long Thành giai đoạn 1	317.333.608.703
4	Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam	27/06/2023	Hợp đồng thi công xây dựng Gói thầu số 1 - Thi công xây dựng công trình Liên kết vùng miền Trung tỉnh Quảng Nam	552.341.721.348
5	Ban QLDA 85	20/02/2023	Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 13-XL/2023/HĐKT-QNCT Gói thầu số 13-XL; Thi công xây dựng đoạn Km47+000 - Km66+965,91 (bao gồm khảo sát, TKBVT) Dự án thành phần đoạn Quy Nhơn - Chi Thạnh	1.544.287.430.000
6	Ban QLDA 7	15/02/2023	Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 17/2023/HDXD-B7 Gói thầu XI.01: Thi công xây dựng đoạn Km0+000 ÷ Km24+000 (bao gồm khảo sát, TKBVT) Dự án thành phần đoạn Chí Thạnh - Vân Phong	789.314.295.602
7	Ban QLDA đầu tư xây dựng các CTGT tỉnh Quảng Ninh	27/12/2022	Hợp đồng thi công xây dựng công trình Gói thầu số 12: Xây dựng cầu Kênh Đào - Km2+200, cầu Tổ hợp - Km 3+600 (Bao gồm khảo sát, thiết kế BVT và đảm bảo an toàn giao thông thủy cầu Tổ hợp)	356.320.384.000
8	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông nông nghiệp tỉnh Bắc Giang	15/04/2022	Hợp đồng thi công xây dựng Gói thầu số 05: Thi công xây dựng công trình thuộc dự án Xây dựng cầu Như Nguyệt, tỉnh Bắc Giang	120.207.555.000

9	Ban QLDA 2	24/03/2022	Hợp đồng XL04/PMU2-PID3/2021: Gói thầu Thi công xây dựng cầu Bến Mối thuộc dự án Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các Quốc lộ (giai đoạn I)	145.880.471.524
10	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	18/06/2021	Hợp đồng thi công số 20/2021/HĐ-MRVB/GXL20 Gói thầu số 20: Thi công xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng từ DT.353 đến cầu Thái Bình (Km0 - Km19+645)	114.684.817.824
11	Ban QLDA đầu tư xây dựng các CTGT tỉnh Quảng Ninh	19/02/2021	Hợp đồng số 03/2021/HĐ-XL. Gói thầu số 12: Thi công xây dựng phần đường cao tốc, cầu Đại Văn, cầu Đại Xuyên 1, cầu cạn Km 83+200, cầu Tiên Yên, cầu Tiên Yên 2 và hệ thống điện chiếu sáng (bao gồm công tác khảo sát, thiết kế BVTC và bảo đảm giao thông thủy cầu Tiên Yên 1) thuộc DA Đường cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên	356.320.384.000
12	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông Hải Phòng	03/12/2020	Hợp đồng số 27/2020/HĐ-CR1-GXL27 Gói thầu số 27: Xây dựng cầu và nút giao thông cầu Rào 1	309.535.837.606

(Nguồn: TTL)

4. Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty

4.1 Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP

Bảng 4. Cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm 30/09/2024

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	330	41.850.190	99,86%
Cổ đông tổ chức	7	37.680.458	89,91%
Cổ đông cá nhân	323	4.169.732	9,95%
II. Cổ đông nước ngoài	6	3.510	0,01%
Cổ đông tổ chức	-	-	-
Trong đó: Cổ đông tổ chức có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50%	-	-	-
Cổ đông cá nhân	6	3.510	0,01%
III. Cổ phiếu quỹ	0	54.300	0,13%
Tổng	336	41.908.000	100%

(Nguồn: TTL)

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty và những người có liên quan

Bảng 5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 30/09/2024

STT	Tên	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ
1	CTCP Đầu tư và Xây dựng TNG	0105991855	Thôn Càn, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang	21.158.908	50,5%
2	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	0101992921	Tầng 23-24 Toà nhà Charmvit, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	10.500.000	25,05%
3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1800278630	Số 77 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	3.000.000	7,16%
4	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	0103085460	Tầng 24, toà nhà Vinacomin, Số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	3.000.000	7,16%
Tổng				37.658.908	89,87%

(Nguồn: TTL)

5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết và các công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1 Danh sách Công ty mẹ, Công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, như sau:

Công ty mẹ, Công ty đang nắm quyền kiểm soát/cổ phần chi phối đối với Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG, mã số thuế 0105991855 địa chỉ tại Thôn Càn, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang. Ngành nghề kinh doanh chính là Xây dựng công trình cấp, thoát nước (Mã số 4222). Hiện tại, Công ty mẹ đang nắm giữ 21.158.908 cổ phần, chiếm 50,5% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

5.2 Danh sách công ty con và những công ty mà Tổng công ty Thăng Long - CTCP nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối tại ngày 30/09/2024

Bảng 6. Danh sách công ty con của tổ chức phát hành có quyền chi phối

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh/ Lĩnh vực hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1	CTCP Cầu 1 Thăng Long	Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	Xây dựng công trình giao thông thủy lợi, công nghiệp, dân dụng (nhà ở, nhà làm việc, văn phòng); Sản xuất vật liệu xây dựng	82,6%	82,6%	82,6%
2	CTCP Cầu 35 Thăng Long	Đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây dựng các công trình giao thông	65%	65%	65%
3	Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Xây dựng công trình giao thông, quản lý cầu đường bộ, hỗ trợ kinh doanh chuyển giao cầu đường bộ	(*)	(*)	(*)

(*): Tổng Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

Theo hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh - Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng Công ty Thăng Long - CTCP) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11/05/2002. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 49,41%.

Theo hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (Hợp đồng BOT) về dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao vực vòng giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 27/02/2015. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 70%.

(Nguồn: TTL)

th

5.3 Danh sách Công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30/09/2024

Bảng 7. Danh sách Công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30/09/2024

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh/ Lĩnh vực hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH BOT đường 188	Cụm CN Long Xuyên, Phường Long Xuyên, Thị Xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương	Dầu tư xây dựng Kinh doanh, Chuyên giao công trình cầu, đường bộ	22,03%	22,03%	22,03%

(Nguồn: TTL)

6. Danh sách Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát

6.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

❖ Ông Vũ Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên	Vũ Anh Tuấn
Ngày tháng năm sinh	18/12/1975
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Đông Kinh, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình
Địa chỉ thường trú	P302-C86, Tập thể Cục dự trữ Quốc gia, Phường Công Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Chức vụ đang nắm giữ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Nguyễn Việt Hà - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Việt Hà
-----------	----------------

Ngày tháng năm sinh	28/04/1986
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Đức Hợp, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
Địa chỉ thường trú	Số 18 tổ 25 Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Vũ Đức Trung - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Vũ Đức Trung
Ngày tháng năm sinh	25/12/1980
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phường Lam Hạ, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Địa chỉ thường trú	TT BV Đường sắt 1, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Tài chính - Kiểm toán
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Hội đồng Quản trị
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không

Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Nguyễn Trung Hiếu - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Nguyễn Trung Hiếu
Ngày tháng năm sinh	09/10/1982
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	2/158 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội
Địa chỉ thường trú	2/158 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Hội đồng Quản trị
Số cổ phần nắm giữ	10.500.000 cổ phần
- Cá nhân	0 cổ phần tương ứng 0%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	10.500.000 cổ phần tương ứng 25,05 %
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Nguyễn Việt Cường - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Nguyễn Việt Cường
Ngày tháng năm sinh	13/02/1982
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Số 212 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 212 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng

Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Hội đồng Quản trị
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thủ lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

6.2 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

❖ Ông Nguyễn Minh Tú - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên	Nguyễn Minh Tú
Ngày tháng năm sinh	30/09/1976
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Thanh Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú	P301 - G4 Ngõ 477 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Trưởng ban kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thủ lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Bà Nguyễn Thị Đức Vinh - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Nguyễn Thị Đức Vinh
Ngày tháng năm sinh	25/12/1987
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú	P607 HH3A, Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Ban Kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Ngô Tiến Đạt - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Ngô Tiến Đạt
Ngày tháng năm sinh	14/11/1994
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	4/66 Ngọc Thuy, Phường Ngọc Thuy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
Địa chỉ thường trú	4/66 Ngọc Thuy, Phường Ngọc Thuy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính Ngân hàng/Ngôn Ngữ Anh
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Ban Kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

6.3 Danh sách thành viên Ban giám đốc**❖ Ông Nguyễn Việt Hà - Tổng giám đốc***Xem phần Danh sách thành viên Hội đồng quản trị***❖ Ông Nguyễn Hải Vinh - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Nguyễn Hải Vinh
Ngày tháng năm sinh	31/08/1978
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Trung An, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình
Dịa chỉ thường trú	Số ô 3.09, lô TT3, khu nhà ở Sinh Thái Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cầu đường
Chức vụ đang nắm giữ	Phó Tổng Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Nguyễn Anh Văn - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Anh Văn
Ngày tháng năm sinh	05/09/1974
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Gia Hòa, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình
Dịa chỉ thường trú	P1407 nhà 1719, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cầu

Chức vụ đang nắm giữ	Phó Tổng Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Trần Tiến Dũng
Ngày tháng năm sinh	28/10/1982
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú	Phòng 704 chung cư Nơ 22, Khu đô thị Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ xây dựng cầu hầm
Chức vụ đang nắm giữ	Phó Tổng Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Bà Hoàng Thị Hồng Nhung - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Hoàng Thị Hồng Nhung
Ngày tháng năm sinh	14/9/1975
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh

Quê quán	Xã Xuân Lôi, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú	Tổ 2 cụm 4, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật và Cử nhân Tài chính kế toán
Chức vụ đang nắm giữ	Phó Tổng Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

6.4 Kế toán trưởng

❖ Bà Nguyễn Thị Dịu - Kế toán trưởng

Họ và tên	Nguyễn Thị Dịu
Ngày tháng năm sinh	13/5/1981
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thị trấn Quất Lâm, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định
Địa chỉ thường trú	P 206C - B3, Tổ 30, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
Chức vụ đang nắm giữ	Kế toán trưởng
Số cổ phần nắm giữ	Không
- Cá nhân	Không
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

7. Cơ cấu lao động

Đến ngày 30/09/2024, số lượng lao động có tên trong danh sách người lao động của Tổng Công ty bao gồm cán bộ, nhân viên là 135 người. Cơ cấu lao động được phân loại theo trình độ lao động và theo giới tính chi tiết như sau:

Bảng 8. Cơ cấu lao động của Tổng Công ty tại thời điểm 30/09/2024

Chi tiêu phân loại		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo trình độ	Trên Đại học	6	4,44%
	Đại học	113	83,70%
	Cao Đẳng	5	3,70%
	Trung cấp, sơ cấp	2	1,48%
	Lao động phổ thông	25	18,52%
Tổng cộng		135	100%
Theo giới tính	Nam	119	88,15%
	Nữ	16	11,85%
Tổng cộng		135	100%

(Nguồn: TTL)

8. Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi

Người lao động trong Tổng Công ty được thực hiện ký Hợp đồng lao động theo quy định của Luật lao động và theo Luật Doanh nghiệp.

Doanh nghiệp nộp đầy đủ BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn và các nghĩa vụ cho người lao động theo Luật BHXH và các quy định hiện hành.

Bảng 9. Thu nhập bình quân người lao động giai đoạn 2021 - 2023

Đơn vị tính: VND/người/tháng

Năm	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Thu nhập bình quân	23.452.576	21.664.487	21.424.411

(Nguồn: TTL)

9. Chính sách đối với người lao động

Thời gian làm việc của Tổng công ty được thực hiện theo quy định của Luật lao động. CBNV được nghỉ Lễ và Tết theo quy định. Các chế độ trợ cấp trong thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản được đảm bảo đầy đủ theo quy định của nhà nước.

Đã trả lương theo kết quả hoàn thành công việc hàng tháng, quý nhằm động viên, khuyến khích CBNV phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho các hoạt động của Tổng công ty.

Thực hiện đánh giá năng lực, ý thức, kết quả thực hiện công việc và mức độ đóng góp của CBNV cho sự phát triển của Tổng công ty để áp dụng chính sách khen thưởng phù hợp. Hàng năm, Tổng công ty tổng kết và tiến hành tuyên dương khen thưởng xứng đáng cho các tập thể, cá nhân có thành tích và đóng góp xuất sắc vào sự phát triển và lớn mạnh của Tổng công ty.

Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa doanh nghiệp, du lịch nước ngoài thu hút được đông đảo CBNV tham gia.

Tổng Công ty thực hiện trả lương tháng, quý căn cứ vào kết quả đánh giá hiệu quả công việc (BSC). Việc trả lương theo BSC là thay đổi rất lớn trong chính sách trả lương tại cơ quan, góp phần thúc đẩy hoạt động SXKD của Tổng Công ty. Hàng năm, người lao động luôn được quan tâm, chăm lo và tạo điều kiện về vật chất và tinh thần. Người lao động được đào tạo chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ, tham dự nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và du lịch.

10. Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Về công tác tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Tổng Công ty là thu hút người lao động có năng lực và trình độ, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng hoạt động kinh doanh. Tổng Công ty đã nghiên cứu mô hình quản lý tiên tiến của các doanh nghiệp để áp dụng vào điều kiện thực tế tại Việt Nam trong việc xây dựng hệ thống bản mô tả công việc và tiêu chuẩn chức danh cho từng vị trí công việc. Các tiêu chuẩn chức danh được xây dựng thống nhất với phương pháp đánh giá công việc, theo đó mỗi vị trí công việc khi tuyển dụng cần đáp ứng các tiêu chuẩn về kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, khả năng và ý thức thái độ cần có để người đảm nhận vị trí công việc có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở các tiêu chuẩn chức danh, Tổng Công ty Thăng Long - CTCP thực hiện việc lựa chọn, tuyển dụng nhân sự thông qua các bước sơ tuyển hồ sơ, thi tuyển và phỏng vấn. Ngoài ra các vị trí quản lý và kinh doanh còn cần trải qua bài kiểm tra tình huống, trong đó ứng viên được đặt vào tình huống mô phỏng các vấn đề thực tế sẽ phát sinh để qua đó thể hiện rõ nét hơn các kỹ năng, khả năng cần có.

Về công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Tổng Công ty Thăng Long - CTCP hiện nay đặc biệt chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực. Tất cả lao động mới gia nhập đều được đào tạo định hướng để có những hiểu biết cần thiết về lịch sử hình thành và phát triển của Tổng Công ty, giá trị cốt lõi, sứ mệnh, tầm nhìn, văn hóa làm việc trong tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty cũng đặc biệt coi trọng và khuyến khích quá trình tự học hỏi để nâng cao kỹ năng của mỗi CBNV và luôn tạo điều kiện hết sức để CBNV có cơ hội tiếp xúc và tích lũy kinh nghiệm thực tế trong quá trình công tác.

11. Chính sách cổ tức

Trong tình hình khó khăn của nền kinh tế nói chung và ngành thi công, xây dựng nói riêng đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty. Do vậy, Tổng Công ty không chia cổ tức năm 2023.

H

H a

12. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính**12.1 Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh**

Bảng 10. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ
giai đoạn năm 2022 - 09 tháng năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng năm 2024
Tổng tài sản	1.808.024.581.761	2.432.610.943.407	2.151.806.719.943
Vốn điều lệ thực góp	419.080.000.000	419.080.000.000	419.080.000.000
Doanh thu thuần	1.350.684.303.358	1.390.433.356.070	1.111.633.438.454
Giá vốn hàng bán	1.338.141.016.490	1.294.467.948.455	1.066.844.053.836
Lợi nhuận từ HDKD	5.637.896.247	9.596.899.229	20.984.661.287
Lợi nhuận trước thuế	5.319.411.708	10.085.113.828	21.287.599.689
Lợi nhuận sau thuế	5.319.411.708	7.584.007.052	21.287.599.689
Lợi nhuận sau thuế/DIT	0,39%	0,55%	1,91%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2022, 2023 và tự lập quý III năm 2024 của TTL)

Bảng 11. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hợp nhất
giai đoạn năm 2022 - 09 tháng năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng năm 2024
Tổng tài sản	2.276.602.194.697	2.818.059.889.619	2.488.873.984.528
Vốn điều lệ thực góp	419.080.000.000	419.080.000.000	419.080.000.000
Doanh thu thuần	1.496.329.026.974	1.459.461.869.673	1.364.053.607.588
Giá vốn hàng bán	1.422.243.460.062	1.292.569.844.181	1.263.801.439.076
Lợi nhuận thuần từ HDKD	10.014.963.187	35.798.074.714	12.706.070.716
Lợi nhuận trước thuế	11.051.998.249	34.518.632.336	12.244.069.456
Lợi nhuận sau thuế	8.706.842.954	29.170.211.576	10.727.156.181
Lợi nhuận sau thuế/DIT	0,58%	2,00%	0,79%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 và tự lập quý III năm 2024 của TTL)

✱



12.2 Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận qua các năm gần đây

Cơ cấu Doanh thu các mảng hoạt động qua các năm như sau:

Bảng 12. Cơ cấu doanh thu giai đoạn năm 2022 - 2023

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.350.684.303.358	100%	1.390.433.356.070	100%
Doanh thu thuần	1.350.684.303.358	100%	1.390.433.356.070	100%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2022 và 2023 của TTL.)

Cơ cấu lợi nhuận các mảng hoạt động qua các năm như sau:

Bảng 13. Cơ cấu lợi nhuận giai đoạn năm 2022 - 2023

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.543.286.868	0,93%	95.965.407.615	6,9%
Tổng	12.543.286.868	0,93%	95.965.407.615	6,9%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2022 và 2023 của TTL.)

Từ năm 2022 đến năm 2023, doanh thu của Tổng Công ty đến từ các hợp đồng xây dựng chiếm tỷ trọng lớn nhất với trên 90% trên tổng doanh thu, phần còn lại là doanh thu đến từ các hoạt động khác. Năm 2023 doanh thu của Tổng Công ty tăng trưởng nhẹ, đạt hơn 1.390 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 3% so với năm 2022. Trong đó lợi nhuận gộp tăng từ 60 tỷ đồng năm 2022 lên 95 tỷ đồng năm 2023 tương ứng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần tăng từ 0,93% lên 6,9%.

12.3 Cơ cấu chi phí**Bảng 14. Cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2022 - 2023**

Đơn vị tính: Đồng

Chi phí	Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT
Doanh thu thuần	1.350.684.303.358	100%	1.390.433.356.070	100%
Giá vốn hàng bán	1.338.141.016.490	99,1%	1.294.467.948.455	93,1%
Chi phí tài chính	15.082.358.417	1,1%	41.889.348.362	3%
Chi phí bán hàng	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	52.110.437.782	3,9%	58.352.250.659	4,2%
Tổng	1.405.333.812.689	104%	1.394.709.547.476	100,3%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2022 và 2023 của TTL.)

Do đặc thù của ngành thi công xây dựng công trình, các chi phí của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP chiếm tỷ trọng rất lớn. Tổng chi phí trong năm 2022 và 2023 lần lượt là 1.405 tỷ đồng và 1.394 tỷ đồng. Trong đó, chi phí trực tiếp được ghi nhận vào giá vốn hàng bán chủ yếu bao gồm: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ thuê ngoài và các chi phí khác. Các chi phí còn lại của Tổng Công ty, bao gồm chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác.

12.4 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 15. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ năm 2022 - 09 tháng năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/giảm (%)	09 tháng năm 2024
Tổng tài sản	1.808.024.581.761	2.432.610.943.407	34,55%	2.151.806.719.943
Vốn chủ sở hữu	521.539.951.436	529.411.522.691	1,51%	550.654.345.283
Doanh thu thuần	1.350.684.303.358	1.390.433.356.070	2,94%	1.111.633.438.454
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.543.286.868	95.965.407.615	665,07%	44.789.384.618
Doanh thu hoạt động tài chính	60.287.405.578	13.873.090.635	-76,99%	42.302.308.376
Chi phí tài chính	15.082.358.417	41.889.348.362	177,74%	29.635.921.078
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	5.637.896.247	9.596.899.229	70,22%	20.984.661.287
Lợi nhuận khác	(318.484.539)	488.214.599	-253,29%	302.938.402
Lợi nhuận trước thuế	5.319.411.708	10.085.113.828	89,59%	21.287.599.689
Lợi nhuận sau thuế	5.319.411.708	7.584.007.052	42,57%	21.287.599.689

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2022, 2023 và tự lập quý III năm 2024 của TTL)

Bảng 16. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2022 - 09 tháng năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/giảm (%)	09 tháng năm 2024
Tổng tài sản	2.276.602.194.697	2.818.059.889.619	23,78%	2.488.873.984.528
Vốn chủ sở hữu	605.820.317.289	635.080.165.692	4,83%	637.128.214.011
Doanh thu thuần	1.496.329.026.974	1.459.461.869.673	-2,46%	1.364.053.607.588
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.085.566.912	166.892.025.492	125,27%	100.252.168.512

Doanh thu hoạt động tài chính	44.707.956.755	8.680.368.442	-80,58%	3.580.408.460
Chi phí tài chính	44.332.438.881	70.936.965.691	60,01%	48.799.934.361
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	10.014.963.187	35.798.074.714	257,45%	12.706.070.716
Lợi nhuận khác	1.037.035.062	(1.279.442.378)	-223,38%	(462.001.260)
Lợi nhuận trước thuế	11.051.998.249	34.518.632.336	212,33%	12.244.069.456
Lợi nhuận sau thuế	8.706.842.954	29.170.211.576	235,03%	10.727.156.181

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 và tự lập quý III năm 2024 của TTL)

Các chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2022 - 09 tháng năm 2024 của Tổng Công ty có sự biến động. Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm 2023 của Tổng Công ty đạt 2.818 tỷ đồng, tăng 23,78% so với đầu năm, trong đó chủ yếu là phần tăng của tài sản ngắn hạn. Tài sản ngắn hạn đạt 2.105 tỷ đồng. Hàng tồn kho cũng tăng 300 tỷ đồng sau 1 năm, đạt 711 tỷ đồng tại ngày 31/12/2023.

Công ty cũng đã huy động thêm 2.105 tỷ đồng vốn vay ngắn hạn nhằm tài trợ vốn lưu động và đảm bảo hoạt động xây lắp được triển khai thông suốt. Ngoài ra, công ty cũng có thêm khoản tiền 759 tỷ đồng dưới dạng “Người mua trả tiền trước ngắn hạn” trong năm 2023, là các khoản trả trước của các Ban quản lý dự án cho công ty, qua đó lượng tiền mặt trong công ty cũng tăng đáng kể.

Doanh thu thuần hợp nhất không thay đổi đáng kể so với năm ngoái, đạt 1.390 tỷ đồng năm 2023, giảm 2,46% so với năm 2022. Do tiết giảm đáng kể chi phí giá vốn, công ty đã ghi nhận lợi nhuận gộp tăng trưởng rất tốt (tăng 125,47% so với cùng kỳ), và đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh trong năm 2023. Dù hoạt động tài chính không khả quan (doanh thu tài chính giảm do trong năm 2023 công ty không có khoản thu nhập lớn từ việc bán các khoản đầu tư), công ty vẫn ghi nhận lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 257,45% so với cùng kỳ, đạt 35 tỷ đồng. Kết thúc năm 2023, Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế đạt 29 tỷ đồng, tăng 235,03% so với năm 2022.

13. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 17. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty giai đoạn 2022 - 2023

Các chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,24	1,18	1,14	1,15
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,05	0,92	0,88	0,81
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					

Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,71	0,78	0,73	0,77
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,47	3,59	2,76	3,44
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay vốn lưu động	Lần	0,94	0,75	0,88	0,69
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	7,19	3,66	1,35	2,30
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,78	0,66	0,67	0,57
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,39%	0,55%	0,58%	2,00%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,02%	1,43%	1,44%	4,59%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,29%	0,31%	0,38%	1,04%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,42%	0,69%	0,67%	2,45%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	-	-	118	564
Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	%	1,3%	1,8%	2,1%	7,0%
Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần (*)	%	-	-	-	-

(*) Năm 2022 và năm 2023, Tổng Công ty Thăng Long - CTCP không chia cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và 2023 của Tổng Công ty.

(Nguồn: BCTC riêng lẻ và hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 của TTL)

Các chỉ số tài chính cơ bản của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP nhìn chung có sự biến động. Đối với khả năng thanh toán, tỷ lệ thanh toán ngắn hạn và tỷ lệ thanh toán nhanh đều giảm trong giai đoạn năm 2022 - năm 2023. Do tốc độ tăng nợ ngắn hạn ở năm 2023 nhanh hơn so với tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn và giá trị hàng tồn kho năm 2023 cũng tăng đáng kể. Tuy có sự sụt giảm nhẹ trong năm 2023 nhưng các chỉ số vẫn ở mức lớn hơn 1 và gần bằng 1 cho thấy Tổng Công ty vẫn duy trì được khả năng thanh toán đối với các khoản nợ.

Về cơ cấu vốn, Tổng Công ty ghi nhận sự gia tăng về cơ cấu phần nợ, biểu hiện thông qua việc tăng tỷ lệ nợ/tổng tài sản và tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu do vốn chủ sở hữu tăng và nợ ngắn hạn của Tổng Công ty đều tăng, Tổng Công ty gia tăng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Việc doanh thu thuần và tổng tài sản tăng nhẹ từ năm 2022 đến năm 2023, trong khi hàng tồn kho tăng gấp 2 lần so với cùng kỳ đã ảnh hưởng đến các chỉ số hoạt động của doanh nghiệp.

4

Nhóm hệ số về khả năng sinh lợi ghi nhận sự cải thiện tích cực hơn so với năm trước, các chỉ tiêu của năm 2023 đều tăng so với cùng kỳ do doanh thu thuần tăng và lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty cũng tăng nhưng đồng thời chi phí hoạt động cũng phát sinh nhiều nên hiệu quả sinh lời chưa cao.

14. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng và chế độ kế toán áp dụng

Năm tài chính của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính kèm được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Tổng Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp” đã được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc.

Theo Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2023 của Tổng công ty được kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

15. Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá theo thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	08 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Phần mềm máy tính	03 năm

(Nguồn: TTL)

16. Các khoản phải nộp theo quy định

Tổng Công ty luôn cố gắng thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo khoản Thuế GTGT, Thuế TNDN và các khoản Thuế, Phí khác theo quy định của Nhà nước.

Bảng 18. Các khoản phải nộp theo quy định giai đoạn 2022 - 09 tháng năm 2024 của Công ty mẹ*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	9 tháng năm 2024
1	Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.083.185.774	21.834.377
3	Thuế thu nhập cá nhân	227.783.149	312.375.908	330.479.566
4	Thuế tài nguyên	468.940.837	-	-
5	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	16.044.487	16.497.301	16.872.393
6	Các loại thuế khác	202.469.726	-	-
7	Phí, lệ phí và các khoản khác	-	207.682.838	212.001.123
Tổng cộng		915.238.199	1.619.741.821	581.187.459

*(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2022, 2023 và tự lập quý III năm 2024 của TTL)***Bảng 19. Các khoản phải nộp theo quy định giai đoạn 2022 - 09 tháng năm 2024 hợp nhất***Đơn vị tính: Đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	9 tháng năm 2024
1	Thuế giá trị gia tăng	3.373.311.789	664.901.753	863.614.148
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.414.885.634	2.901.234.717	757.573.672
3	Thuế thu nhập cá nhân	234.771.011	348.279.206	378.857.264
4	Thuế tài nguyên	468.940.837	-	-
5	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	16.044.487	16.497.301	16.872.393
6	Các loại thuế khác	202.469.726	-	212.001.123
7	Phí, lệ phí và các khoản khác	701.772.089	207.682.838	-
Tổng		9.412.195.573	4.138.595.815	2.228.918.600

*(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 và tự lập quý III năm 2024 của TTL)***17. Trích lập các quỹ theo luật định**

Tổng Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động và pháp luật hiện hành. Số dư trích lập các quỹ của Tổng công ty qua các năm như sau:

Bảng 20. Trích lập các quỹ theo quy định giai đoạn 2022 - 09 tháng năm 2024 của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng năm 2024
1	Quỹ đầu tư phát triển	22.934.839.382	22.934.839.382	22.934.839.382
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.530.325.074	779.325.074	575.025.074
	Tổng	24.465.164.456	23.714.164.456	23.509.864.456

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2022, 2023 và tự lập quý III năm 2024 của TTL.)

Bảng 21. Trích lập các quỹ theo quy định giai đoạn 2022 - 09 tháng năm 2024 hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng năm 2024
1	Quỹ đầu tư phát triển	24.954.816.575	24.954.816.575	24.954.816.575
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.763.484.479	1.031.511.855	818.562.014
	Tổng	26.718.301.054	25.986.328.430	25.773.378.589

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 và tự lập quý III năm 2024 của TTL.)

18. Tình hình công nợ

18.1 Các khoản phải thu

Bảng 22. Các khoản phải thu của Công ty mẹ giai đoạn 2022 - 09 tháng năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng năm 2024
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.027.378.506.671	1.257.710.936.231	1.111.745.124.300
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	398.670.756.850	455.858.081.653	475.971.087.344
	Phải thu của khách hàng lĩnh vực xây dựng	349.425.268.412	400.668.742.948	415.769.965.346
	Phải thu của khách hàng lĩnh vực khác	49.245.488.438	55.189.338.705	60.201.121.998
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	615.283.303.082	828.681.053.828	662.010.757.045
	Trả trước người bán lĩnh vực xây dựng	580.624.836.073	764.174.996.710	599.678.064.694

	<i>Trả trước người bán lĩnh vực dịch vụ</i>	<i>34.658.457.009</i>	<i>64.506.057.118</i>	<i>62.332.692.351</i>
3	Phải thu ngắn hạn khác	173.184.009.865	133.908.224.597	134.499.703.758
	<i>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	<i>10.407.626.919</i>	<i>10.732.626.919</i>	<i>11.057.626.919</i>
	<i>Ký cược, ký quỹ</i>	<i>-</i>	<i>390.000.000</i>	<i>-</i>
	<i>Tạm ứng</i>	<i>104.240.448.301</i>	<i>82.872.468.793</i>	<i>85.995.102.899</i>
	<i>Phải thu khác</i>	<i>58.535.934.645</i>	<i>39.913.128.885</i>	<i>37.446.973.940</i>
4	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(159.759.563.126)	(160.736.423.847)	(160.736.423.847)
	<i>Trả trước người bán</i>	<i>(145.847.518.532)</i>	<i>(146.636.567.854)</i>	<i>(146.636.567.854)</i>
	<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>(12.643.215.914)</i>	<i>(12.831.027.313)</i>	<i>(12.831.027.313)</i>
	<i>Phải thu khác</i>	<i>(1.268.828.680)</i>	<i>(1.268.828.680)</i>	<i>(1.268.828.680)</i>
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
1	Phải thu về cho vay dài hạn	60.661.874.332	51.276.464.792	64.663.854.485
	<i>Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh</i>	<i>48.317.074.332</i>	<i>51.276.464.792</i>	<i>64.663.854.485</i>
	<i>Công ty TNHH Liên danh Hsung & Cienco I</i>	<i>12.344.800.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
2	Phải thu dài hạn khác	232.500.000	356.460.000	123.960.000
	<i>Ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	<i>232.500.000</i>	<i>356.460.000</i>	<i>123.960.000</i>
Tổng		1.027.378.506.671	1.257.710.936.231	1.111.745.124.300

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2022, 2023 và tự lập quý III năm 2024 của TTI.)

Bảng 23. Các khoản phải thu hợp nhất của Công ty giai đoạn năm 2022 - 09 tháng năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng năm 2024
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.088.479.549.762	1.221.479.574.584	1.117.197.985.315
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	442.601.466.659	424.890.511.455	425.060.749.270
	<i>Phải thu của khách hàng lĩnh vực xây dựng</i>	<i>392.760.730.221</i>	<i>397.770.744.860</i>	<i>364.387.378.272</i>
	<i>Phải thu của khách hàng lĩnh vực khác</i>	<i>49.840.736.438</i>	<i>27.119.766.595</i>	<i>60.673.370.998</i>
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	587.757.711.260	789.596.344.545	671.367.528.643
	<i>Trả trước cho người bán lĩnh vực xây dựng</i>	<i>553.077.644.251</i>	<i>725.090.287.427</i>	<i>608.997.436.292</i>
	<i>Trả trước cho người bán lĩnh vực khác</i>	<i>34.680.067.009</i>	<i>64.506.057.118</i>	<i>62.370.092.351</i>

3	Phải thu ngắn hạn khác	221.612.825.400	171.468.409.431	185.245.398.249
	<i>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	<i>10.082.626.919</i>	<i>10.082.626.919</i>	<i>11.057.626.919</i>
	<i>Tạm ứng</i>	<i>112.983.129.809</i>	<i>86.796.447.384</i>	<i>88.590.183.474</i>
	<i>Ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	<i>5.353.616.940</i>	<i>2.550.106.404</i>	<i>1.495.106.404</i>
	<i>Phải thu khác</i>	<i>93.193.451.732</i>	<i>72.039.228.724</i>	<i>103.002.481.452</i>
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(163.492.453.557)	(164.475.690.847)	(164.475.690.847)
	<i>Công nợ trả trước cho người bán</i>	<i>(147.563.726.610)</i>	<i>(148.060.494.814)</i>	<i>(148.060.494.814)</i>
	<i>Công nợ phải thu của khách hàng</i>	<i>(14.440.922.888)</i>	<i>(14.927.391.974)</i>	<i>(14.927.391.974)</i>
	<i>Công nợ phải thu khác</i>	<i>(1.487.804.059)</i>	<i>(1.487.804.059)</i>	<i>(1.487.804.059)</i>
II	Các khoản phải thu dài hạn	12.577.300.000	356.460.000	123.960.000
1	Phải thu về cho vay dài hạn	12.344.800.000	-	-
	<i>Công ty TNHH Hsung & Cienco I</i>	<i>12.344.800.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
2	Phải thu dài hạn khác	232.500.000	356.460.000	123.960.000
	<i>Ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	<i>232.500.000</i>	<i>356.460.000</i>	<i>123.960.000</i>
	Tổng	1.101.056.849.762	1.221.836.034.584	1.117.321.945.315

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 và tự lập quý III năm 2024 của TTI.)

18.2 Các khoản phải trả

Bảng 24. Các khoản phải trả của Công ty mẹ giai đoạn năm 2022 - 09 tháng năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng năm 2024
1	Nợ ngắn hạn	1.226.600.908.629	1.844.013.433.684	1.544.495.807.989
1	Phải trả người bán ngắn hạn	386.717.871.212	412.598.806.184	447.205.902.229
	<i>Phải trả người bán lĩnh vực xây dựng</i>	<i>384.706.538.809</i>	<i>392.760.662.839</i>	<i>429.847.117.815</i>
	<i>Phải trả người bán lĩnh vực khác</i>	<i>2.011.332.403</i>	<i>19.838.143.345</i>	<i>17.358.784.414</i>
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	291.086.625.370	748.821.756.287	413.884.041.704
	<i>Người mua trả tiền trước lĩnh vực xây dựng</i>	<i>291.086.625.370</i>	<i>748.821.756.287</i>	<i>413.884.041.704</i>
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	915.238.199	1.619.741.821	581.187.459
	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>1.083.185.774</i>	<i>21.834.377</i>

	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	227.783.149	312.375.908	330.479.566
	<i>Thuế tài nguyên</i>	468.940.837	-	-
	<i>Thuế nhà đất, tiền thuê đất</i>	16.044.487	16.497.301	16.872.393
	<i>Các loại thuế khác</i>	202.469.726	-	-
	<i>Phi, lệ phí và các khoản khác</i>	-	207.682.838	212.001.123
4	Phải trả người lao động	6.422.661.552	9.124.464.637	4.231.748.844
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	57.652.471.708	57.592.055.771	33.235.266.932
	<i>Trích trước chi phí công trình</i>	57.284.560.769	56.981.496.141	33.235.266.932
	<i>Chi phí phải trả khác</i>	367.910.939	610.559.630	-
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.129.191.196	1.767.396.107	2.154.332.093
	<i>Doanh thu cho thuê văn phòng và tài sản</i>	2.129.191.196	1.767.396.107	2.154.332.093
7	Phải trả ngắn hạn khác	110.199.521.281	86.026.919.927	81.465.765.604
	<i>Kinh phí công đoàn</i>	82.589.862	163.252.360	214.149.796
	<i>Bảo hiểm xã hội</i>	15.215.387	-	360.609.364
	<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	30.000.000	-	150.000.000
	<i>Cổ tức lợi nhuận phải trả</i>	410.534.280	410.534.280	400.521.280
	<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	109.661.181.752	85.453.133.287	80.340.485.164
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	369.947.003.037	525.682.967.876	561.162.538.050
	<i>Vay ngân hàng</i>	296.255.783.170	463.291.595.934	497.806.719.643
	<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	20.717.696.979	3.100.322.832	3.100.322.832
	<i>Vay đối tượng khác</i>	52.973.522.888	59.291.049.110	60.255.495.575
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.530.325.074	779.325.074	575.025.074
II	Nợ dài hạn	59.883.721.696	59.185.987.032	56.656.566.671
1	Phải trả dài hạn khác	50.164.672.009	50.934.090.724	50.934.090.724
	<i>Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	977.788.000	1.419.382.000	1.419.382.000
	<i>Phải trả dài hạn khác</i>	49.186.884.009	49.514.708.724	49.514.708.724
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	9.719.049.687	8.251.896.308	5.722.475.947
	<i>Vay ngân hàng</i>	8.902.336.739	6.981.653.403	5.541.140.901
	<i>Nợ thuê tài chính</i>	816.712.948	1.270.242.905	181.335.046
	Tổng	1.286.484.630.325	1.903.199.420.716	1.601.152.374.660

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2022, 2023 và tự lập quý III năm 2024 của TTI.)

Bảng 25. Các khoản phải trả hợp nhất của Công ty giai đoạn năm 2022 - 09 tháng năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng năm 2024
I	Nợ ngắn hạn	1.566.775.969.843	2.105.609.596.583	1.795.505.063.534
1	Phải trả người bán ngắn hạn	428.944.050.176	415.882.568.989	431.890.951.283
	Phải trả người bán lĩnh vực xây dựng	426.932.717.773	396.044.425.644	414.532.166.869
	Phải trả người bán lĩnh vực khác	2.011.332.403	19.838.143.345	17.358.784.414
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312.428.176.768	759.413.526.385	421.920.677.700
	Người mua trả tiền trước lĩnh vực xây dựng	312.428.176.768	696.007.172.620	421.920.677.700
	Người mua trả tiền trước lĩnh vực khác	-	63.406.353.765	-
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.412.195.573	4.138.595.815	2.228.918.600
	Thuế giá trị gia tăng	3.373.311.789	664.901.753	863.614.148
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.414.885.634	2.901.234.717	757.573.672
	Thuế thu nhập cá nhân	234.771.011	348.279.206	378.857.264
	Thuế tài nguyên	468.940.837	-	-
	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	16.044.487	16.497.301	16.872.393
	Các loại thuế khác	202.469.726	-	212.001.123
	Phí, lệ phí và các khoản khác	701.772.089	207.682.838	-
4	Phải trả người lao động	11.325.266.065	13.888.835.808	7.400.592.282
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	58.999.470.329	67.433.357.202	39.570.154.109
	Trích trước chi phí công trình	58.228.810.658	66.288.190.870	36.415.806.371
	Chi phí phải trả khác	127.303.311	1.004.383.849	-
	Chi phí lãi vay	643.356.360	140.782.483	3.154.347.738
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.129.191.196	1.767.396.107	2.154.332.093
	Doanh thu nhận trước	2.129.191.196	1.767.396.107	2.154.332.093
8	Phải trả ngắn hạn khác	136.239.567.907	115.795.707.463	143.383.368.368
	Kinh phí công đoàn	671.355.641	615.136.033	641.330.112
	Bảo hiểm xã hội	2.074.847.880	869.810.187	490.134.698
	Bảo hiểm y tế	293.912.904	24.245.300	23.624.093

	Bảo hiểm thất nghiệp	269.848.911	10.778.200	10.501.000
	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	-	150.000.000
	Cổ tức lợi nhuận phải trả	613.161.680	613.161.680	400.521.280
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	132.286.440.891	113.662.576.063	141.667.257.185
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	605.534.567.350	726.258.096.959	746.137.507.085
	Vay ngân hàng	427.472.083.484	609.720.325.017	642.208.488.678
	Vay dài hạn đến hạn trả	125.088.960.978	57.246.722.832	43.673.522.832
	Vay đối tượng khác	52.973.522.888	59.291.049.110	60.255.495.575
10	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.763.484.479	1.031.511.855	818.562.014
II	Nợ dài hạn	104.005.907.565	77.370.127.344	56.240.706.983
1	Phải trả người bán dài hạn	9.676.004.339	-	-
	Phải trả người bán lĩnh vực xây dựng	9.676.004.339	-	-
2	Phải trả dài hạn khác	26.732.301.247	16.312.431.049	16.312.431.049
	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.017.788.000	1.459.382.000	1.459.382.000
	Phải trả dài hạn khác	25.714.513.247	14.853.049.049	14.853.049.049
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	67.597.601.979	61.057.696.295	39.928.275.934
	Vay ngân hàng	52.490.566.144	59.787.453.390	39.746.940.888
	Vay đối tượng khác	14.290.322.887	-	-
	Nợ thuê tài chính	816.712.948	1.270.242.905	181.335.046
	Tổng	1.670.781.877.408	2.182.979.723.927	1.851.745.770.517

(Nguồn: BCFC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 và tự lập quý III năm 2024 của TTI.)

19. Đầu tư tài chính

Bảng 26. Các khoản đầu tư tài chính của Công ty mẹ giai đoạn năm 2022 - 09 tháng năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.344.053.361	45.210.229.818	42.210.229.818
1	Chứng khoán kinh doanh	-	-	-
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24.344.053.361	45.210.229.818	42.210.229.818
II	Đầu tư tài chính dài hạn	199.351.026.768	187.617.368.339	187.617.368.339

1	Đầu tư vào công ty con	145.952.000.000	145.952.000.000	145.952.000.000
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	30.180.986.994	17.844.300.000	17.844.300.000
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.821.068.339	3.821.068.339	3.821.068.339
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(603.028.565)	-	-
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
	Tổng	223.695.080.129	232.827.598.157	229.827.598.157

(Nguồn: BC/TC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2022, 2023 và tự lập quý III năm 2024 của TTL)

Bảng 27. Các khoản đầu tư tài chính hợp nhất giai đoạn năm 2022 - 09 tháng năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.844.053.361	61.210.229.818	58.210.229.818
1	Chứng khoán kinh doanh	-	-	-
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	40.844.053.361	61.210.229.818	58.210.229.818
II	Đầu tư tài chính dài hạn	53.255.377.564	44.882.425.019	49.718.968.190
1	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	29.434.309.225	21.061.356.680	25.897.899.851
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.821.068.339	3.821.068.339	3.821.068.339
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
	Tổng	94.099.430.925	106.092.654.837	107.929.198.008

(Nguồn: BC/TC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 và tự lập quý III năm 2024 của TTL)

20. Tình hình Tài sản Tổng Công ty đang sử dụng

20.1 Tình hình quản lý và sử dụng đất đai, mặt bằng của Tổng Công ty

Trong các năm qua, Tổng Công ty Thăng Long - CTCP đã được giao quản lý và sử dụng đất 05 lô đất với tổng diện tích 26.869m², Tổng công ty đã sử dụng đúng mục đích và khai thác một cách có hiệu quả vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước và việc quản lý đất được đảm bảo theo đúng các quy định của Luật Đất đai cũng như các quy định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Thông tin về 05 lô đất cụ thể như sau:

Bảng 28. Danh mục đất đai Công ty đang sử dụng

STT	Danh mục đất	Diện tích (m ²)	Tài sản trên đất	Hình thức/ thời hạn thuê	Mục đích sử dụng đất	Căn cứ pháp lý
1	Số 72 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	645,2	01 nhà 06 tầng	Thuê đất trả tiền hàng năm	Làm trụ sở làm việc	- Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 01/06/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Tổng công ty Thăng Long - CTCP thuê 645,2m² đất tại số 72 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm trụ sở làm việc. - Hợp đồng thuê đất số 193/HĐTD-STNMT-PC ngày 29/03/2016 ký với Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Hà Nội. - Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 44/HĐTD-PLHĐ-STNMT-CCQLDD ngày 24/02/2021 ký với Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Hà Nội. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 444467 cấp ngày 20/07/2016.
2	Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	9.656,26	02 nhà 01 tầng	Thuê đất trả tiền hàng năm	Làm xưởng sản xuất và kho bãi	- Quyết định số 4043/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND thành phố Hà Nội. - Hợp đồng thuê đất số 192/HĐTD-STNMT-PC ngày 29/03/2016 ký với Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Hà Nội. - Quyết định số 3491/QĐ-UBND ngày 10/08/2020 điều chỉnh nội dung Điều 1,

						Quyết định số 4043/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND thành phố Hà Nội. - Phụ lục Hợp đồng số 45/HĐTD-PLHD-STNMT-CCQLDD ngày 24/02/2021 ký với Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Hà Nội.
3	Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Dinh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	11.400	03 nhà 01 tầng	Thuê đất trả tiền hàng năm	Làm văn phòng làm việc, kho bãi và nhà xưởng	- Quyết định số 5901/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của UBND thành phố Hà Nội. - Hợp đồng thuê đất số 232/HĐTD-STNMT-PC ngày 10/05/2016 ký với Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Hà Nội. - Phụ lục Hợp đồng số 232/HĐTD-PLHD-STNMT-CCQLDD ngày 05/08/2021 ký với Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Hà Nội.
4	Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Dinh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	1.127,8	02 nhà 02 tầng	Thuê đất trả tiền hàng năm	Làm văn phòng làm việc và nhà kho	- Quyết định số 5900/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của UBND thành phố Hà Nội. - Hợp đồng thuê đất số 238/HĐTD-STNMT-PC ngày 10/05/2016 ký với Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Hà Nội.
5	Tân Xuân, Phường Xuân Dinh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	4.040	05 nhà 01 tầng 01 nhà 03 tầng	Thuê đất trả tiền hàng năm	Làm văn phòng làm việc và nhà xưởng	- Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 16/06/2015 của UBND thành phố Hà Nội. - Hợp đồng thuê đất số 538/HĐTD-STNMT-PC ngày 10/06/2016 ký với Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Hà Nội.

H

- Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 43/HĐTD-PLHD-STNMT-CCQLDD ngày 24/02/2021 ký với Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Hà Nội.

(Nguồn: TTL)

20.2 Tình hình tài sản

Bảng 29. Giá trị TSCĐ của Công ty mẹ tại thời điểm 30/09/2024

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	TSCĐ hữu hình	58.376.428.607	16.712.015.975	28,63%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	33.984.840.058	2.121.256.561	6,24%
2	Máy móc, thiết bị	15.957.118.767	11.399.511.984	71,44%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7.188.267.554	2.961.093.440	41,19%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.246.202.228	230.153.990	18,47%
II	TSCĐ thuê tài chính	2.407.580.909	2.028.052.527	84,24%
1	Máy móc, thiết bị	-	-	-
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.407.580.909	2.028.052.527	84,24%
III	TSCĐ vô hình	225.470.000	-	-
1	Phần mềm máy tính	225.470.000	-	-
	Cộng	61.009.479.516	18.740.068.502	30,72%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ tự lập quý III năm 2024 của TTL)

Bảng 30. Giá trị TSCĐ hợp nhất tại thời điểm 30/09/2024

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	TSCĐ hữu hình	858.280.187.413	268.317.411.355	31,26%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	53.408.410.226	16.149.384.333	30,24%
2	Máy móc, thiết bị	118.919.227.656	24.420.158.204	20,54%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	19.479.656.479	3.159.045.041	16,22%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.534.309.996	230.154.825	9,08%
5	Tài sản cố định dự án B.O.T	663.938.583.056	224.358.668.952	33,79%
II	TSCĐ thuê tài chính	2.407.580.909	2.028.052.527	84,24%

1	Máy móc, thiết bị	-	-	-
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.407.580.909	2.028.052.527	84,24%
III	TSCĐ vô hình	5.529.845.000	5.304.375.000	95,92%
1	Quyền sử dụng đất	5.304.375.000	5.304.375.000	100,00%
2	TSCĐ vô hình khác	225.470.000	-	-
Cộng		866.217.613.322	275.649.838.882	31,82%

(Nguồn: BCTC hợp nhất tự lập quý III năm 2024 của TTL)

21. Thuận lợi, khó khăn của Tổng Công ty trong quá trình kinh doanh sản xuất

⚡ Thuận lợi

Uy tín Công ty: Là một doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực thi công các công trình cầu, đường và hạ tầng giao thông, trải qua hơn 50 năm xây dựng và phát triển, Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tự hào với chất lượng và tiến độ hoàn thành các công trình giao thông được giao. Hiện nay, Tổng Công ty đã thiết lập được mối quan hệ liên danh, liên kết với nhiều doanh nghiệp quốc tế lớn của Nhật Bản, Trung Quốc ...

Là một trong những Tổng Công ty lớn trong ngành giao thông với tiền thân là doanh nghiệp trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, Tổng Công ty luôn được các cơ quan quản lý nhà nước thường xuyên quan tâm, giúp đỡ và chỉ đạo trong quá trình xây dựng và phát triển.

Nguồn nhân lực: Bên cạnh đội ngũ lãnh đạo giỏi, bản lĩnh, Tổng công ty còn sở hữu lực lượng cán bộ, kỹ sư có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, làm việc chuyên nghiệp, năng động và có trách nhiệm cao đối với công việc, luôn nỗ lực hoàn thành xuất sắc các dự án được giao. Bên cạnh đó, Tổng Công ty đã xây dựng đồng bộ hệ thống chế độ, chính sách ưu đãi, tạo điều kiện phát huy được chất xám của đội ngũ tri thức trong Tổng công ty.

Năng lực thi công, quản lý dự án: Hiện nay, Tổng Công ty đang sở hữu các dây chuyền công nghệ thi công tiên tiến, đảm bảo thi công được các dự án lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: cầu dây văng, cầu dúc hẫng cân bằng, hầm đường bộ, cầu trên biển, đường cao tốc v.v...; Và đã có năng lực, kinh nghiệm trong đầu tư, quản lý, khai thác các dự án theo hình thức hợp đồng BOT.

⚡ Khó khăn

Các đối thủ cạnh tranh: Cùng với quá trình hội nhập kinh tế thế giới, các Tập đoàn và doanh nghiệp lớn của nước ngoài cũng tham gia cạnh tranh tại các dự án thi công các công trình giao thông. Bên cạnh đó, sự nổi lên mạnh mẽ của các đối thủ cạnh tranh là các doanh nghiệp tư nhân khác trong nước với tiềm lực về vốn, nhân lực và công nghệ sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Nguồn vốn thực hiện dự án: Các công trình của Tổng công ty phần lớn được thực hiện từ

⚡

1 2

nguồn Ngân sách nhà nước, trong một số thời điểm, các chính sách của nhà nước như hạn chế đầu tư công, kiểm chế lạm phát ảnh hưởng đến một số công trình đơn vị trúng thầu. Các công trình này chậm được bố trí vốn, ảnh hưởng đến tiến độ thi công và việc làm của lao động Tổng Công ty. Bên cạnh đó, tình hình lãi suất cho vay ở một số thời điểm vẫn còn cao, điều kiện cho vay khó khăn nên khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay của Tổng Công ty bị hạn chế, ảnh hưởng tới nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc giải phóng mặt bằng: Quá trình thi công thường gặp phải vấn đề về giải phóng mặt bằng còn chậm. Tại các công trình chưa có mặt bằng thi công, tiến độ giải phóng mặt bằng chậm làm ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thi công và hiệu quả kinh tế của Tổng Công ty.

22. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

✦ Vị thế của Tổng công ty trong ngành

Kể từ khi thành lập, Tổng Công ty Thăng Long - CTCP đã từng bước tạo lập được vị trí vững chắc và xây dựng được uy tín của doanh nghiệp trong lĩnh vực thi công các công trình giao thông. Tổng Công ty đã trúng nhiều gói thầu và cùng tham gia xây dựng tại các công trình lớn, trọng điểm như: Cầu Thăng Long, Cầu Bến Thủy, Cầu Hoàng Long và cầu vượt Hàm Rồng, Cầu Thanh Trì, Cầu Vĩnh Tuy, đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc Trung Lương v.v ... Đây là các công trình trọng điểm, khẳng định chất lượng, uy tín của Tổng Công ty và tạo tiền đề cho sự phát triển trong tương lai của Tổng công ty.

Qua quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã tạo dựng được uy tín đối với các đối tác, được các đối tác đánh giá cao so với các doanh nghiệp trong ngành và ưu tiên mời tham gia dự thầu các công trình mới.

✦ Triển vọng phát triển của ngành

Một quốc gia có đầy đủ hệ thống thông tin liên lạc, mạng lưới giao thông, năng lượng, hệ thống cấp thoát nước ... là tiền đề cho sự phát triển kinh tế xã hội. Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế và góp phần giải quyết các vấn đề xã hội. Nhận thức sâu sắc được vấn đề trên, trong những năm qua, Chính phủ Việt Nam đã dành mức đầu tư cao cho phát triển cơ sở hạ tầng. Việt Nam đã tận dụng rất nhiều nguồn lực trong và ngoài nước, nguồn lực xã hội để phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông vận tải, mạch máu của nền kinh tế.

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, trong đó giao thông cần đi trước một bước được coi là bước đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Đây cũng là một trong những chương trình nhằm cụ thể hóa Nghị quyết 50/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vừa được Chính phủ ban hành. Nghị quyết 50/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại

H

H e

hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đặt ra nhiệm vụ: Tiếp tục xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ thực hiện đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Xây dựng quy hoạch phát triển các ngành kết cấu hạ tầng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tập trung đầu tư các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, quy mô lớn, nhất là về giao thông, năng lượng và hạ tầng số...

Bên cạnh đó, ngành GTVT đã triển khai lập 5 quy hoạch ngành thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm quy hoạch mạng lưới đường bộ; đường sắt; quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển; quy hoạch cảng hàng không, sân bay. Bộ GTVT sẽ tập trung triển khai có hiệu quả kế hoạch đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2021 - 2025 theo quy hoạch và tổng mức vốn ngân sách trung ương cấp theo kế hoạch đầu tư công trung hạn được Thủ tướng Chính phủ thông báo. Năm 2023, công tác giải ngân vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp kinh tế của Bộ GTVT tiếp tục đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đề ra. Năm qua, Bộ GTVT được Thủ tướng Chính phủ giao số vốn đầu tư công lớn nhất từ trước tới nay với hơn 94 nghìn tỷ đồng, cao nhất từ trước tới nay (gấp 1,7 lần so với năm 2022), cùng với số vốn sự nghiệp kinh tế hơn 19,9 nghìn tỷ đồng phục vụ công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông. Năm 2023 thực sự là năm có nhiều đột phá trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông với việc khởi công 26 dự án, trong đó rút ngắn thời gian khởi công 6 dự án quan trọng quốc gia 1 năm so với quy trình thủ tục thông thường. Đặc biệt, lần đầu tiên Bộ GTVT thực hiện khởi công đồng loạt theo hình thức trực tuyến dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2 tại 12 điểm cầu của 12 dự án thành phần; khởi công các dự án đường bộ cao tốc trục Đông - Tây, các tuyến Vành đai đô thị tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Khởi công công trình nhà ga Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành, Nhà ga T3 Cảng Hàng không Tân Sơn Nhất. Đã hoàn thành, đưa vào khai thác 20 dự án, trong đó riêng đường bộ cao tốc với 9 dự án dài 475km, nâng tổng số chiều dài đường bộ cao tốc đưa vào khai thác trên cả nước lên gần 1.900 km. Bên cạnh đó, công tác lập, triển khai quy hoạch thực hiện bài bản, khoa học.

Ngành GTVT sẽ tiếp tục đẩy mạnh hợp tác, Trung ương và địa phương cùng thực hiện và trên nguyên tắc đường đi qua tỉnh nào thì tỉnh đó phải bố trí vốn và giải phóng mặt bằng, Nhà nước hỗ trợ kinh phí xây lắp làm vốn môi, để phấn đấu đến năm 2025, cơ bản hoàn thành cao tốc Bắc - Nam phía Đông từ Lạng Sơn đến Cà Mau ở những khu vực phát huy hiệu quả kinh tế cao, tập trung cho phát triển đường cao tốc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ đi Tây Nguyên; phấn đấu triển khai thực hiện toàn bộ 1.700 km đường ven biển từ Quảng Ninh đến Cà Mau, trong đó, ưu tiên hoàn thành đoạn ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Dự kiến đến năm 2030, cả nước sẽ có khoảng 5.000 km đường bộ cao tốc; phát triển cảng biển, đường thủy nội địa ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long; triển khai nghiên cứu xây dựng một số đoạn đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Đầu tư nâng cao năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với

biến đổi khí hậu. Hoàn thành xây dựng và nâng cấp các công trình thủy lợi, hồ chứa nước trọng yếu bảo đảm an toàn, an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

23. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2024

23.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024

Bảng 31. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2024

Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	
		Thực hiện	Kế hoạch	% (+/-) so với thực hiện năm 2023
Doanh thu thuần	đồng	1.390.433.356.070	1.632.000.000.000	14,80%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	7.584.007.052	10.020.000.000	24,31%
Vốn chủ sở hữu	đồng	419.080.000.000	419.080.000.000	0,00%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,55%	0,61%	11,16%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,81%	2,39%	24,31%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	-	-	-

(Nguồn: TTL)

Đặt mục tiêu cho năm 2024, Tổng Công ty Thăng Long - CTCP kỳ vọng doanh thu đạt 1.632 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế vượt 10 tỷ đồng. Tính đến 09 tháng năm 2024, Tổng Công ty đã đạt doanh thu 1.364 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 10,7 tỷ đồng, chủ yếu do nhận được lợi nhuận phân phối từ dự án BOT. Sau 09 tháng, Tổng Công ty đã thực hiện được lần lượt 83,5% và 104% kế hoạch đề ra. Tổng Công ty Thăng Long chủ động chuẩn bị tất cả các điều kiện tốt nhất, hiệu quả nhất về nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, tổ đội nhân công, để đẩy nhanh tiến độ các dự án và các gói thầu đang triển khai trong năm 2024.

23.2 Các giải pháp thực hiện kế hoạch

Để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024, HĐQT Tổng Công ty sẽ chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đề ra, đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn. Với các biện pháp, giải pháp cụ thể như sau:

Duy trì, giữ vững và đẩy mạnh các thị trường truyền thống; tiếp cận và phát triển lĩnh vực Tổng công ty đã có nhiều kinh nghiệm là các cầu đường sắt. Tập trung phát triển nguồn việc trong các công trình trọng điểm của Bộ GTVT. Đẩy mạnh thị trường tại các tỉnh thành phố Hải Phòng, Bắc Ninh, Hải Dương, Thái Bình. Mở rộng và thúc đẩy quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài cho các Dự án có vốn EDCF, ODA.

Tích cực tuyển dụng nhân sự chất lượng cao; thực hiện các chương trình đào tạo nội bộ thực

chất và hiệu quả. Tiếp tục kêu gọi nhân sự có kinh nghiệm của Tổng Thăng Long quay trở lại cùng tham gia thi công các công trình. Sắp xếp, tinh gọn bộ máy, bổ sung nhân sự, hướng tới đội ngũ mạnh, thiện chiến.

Tăng cường năng lực tài chính của Tổng Công ty. Mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng uy tín để có nguồn vốn vay tốt, bổ trợ cho nguồn lực tài chính phù hợp với mục tiêu đặt ra.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật và các định mức chi phí quản lý, phương án giá thành sản xuất.

Chú trọng công tác an toàn lao động. Tập trung cải cách mạnh mẽ quản lý từ con người đến vật tư, vật liệu, máy móc thiết bị tại công trường. Xây dựng được cơ chế thưởng, phạt phù hợp, khuyến khích sáng tạo cải tiến và thường xuyên kiểm tra, xử lý các hành vi thất thoát, lãng phí.

Tiếp tục triển khai và hoàn thiện mô hình thi công trực tiếp, trong đó khẩn trương đầu tư, tổ chức quản lý, khai thác các máy thiết bị mới đầu tư đảm bảo hiệu quả.

Tập trung nguồn lực hoàn thành vượt trội các dự án trọng điểm, đảm bảo an toàn, chất lượng, tạo tiền đề nâng cao uy tín, thương hiệu cho công tác thị trường.

Quyết liệt công tác giải quyết giá trị dở dang các công trình và thu hồi công nợ, có giao chỉ tiêu thời gian, trách nhiệm cụ thể đến từng cá nhân, đơn vị.

Tìm kiếm cơ hội và giải pháp công nghệ, kỹ thuật vượt trội, đón đầu cho các gói thầu trong thời gian tới.

Dẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị, cảnh báo rủi ro, nâng cao tuân thủ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và bảo toàn vốn.

Tập trung hoàn chỉnh công cụ giao và đánh giá hiệu quả công việc phù hợp với tình hình Tổng Công ty đến các phòng ban/bộ phận làm cơ sở trả lương, thực hiện giao việc và đánh giá hiệu quả công việc tới từng cá nhân 1 cách thực chất, đảm bảo hiệu quả.

Nghiên cứu triển khai việc thoái vốn tại các công ty có vốn góp của Tổng công ty hoạt động kém hiệu quả để thu hồi vốn cho Tổng công ty phục vụ SXKD.

24. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty

Công ty cam kết không có.

25. Nhân hiệu, tên thương mại, quyền sở hữu trí tuệ

Nhãn hiệu là tài sản rất quan trọng của Tổng Công ty. Việc tạo dựng nhãn hiệu tốt chính là nền móng vững chắc giúp cho Tổng Công ty mang lại sự chuyên nghiệp và tăng uy tín thương hiệu với các đối tác, khách hàng.

Tổng Công ty đã đăng ký thành công hai nhãn hiệu số 271241 và 271242 do Cục Sở Hữu Trí Tuệ thuộc Bộ Khoa Học và Công Nghệ cấp ngày 09/11/2016. Màu sắc nhãn hiệu bao gồm ba màu chính Xanh nước biển, Da cam và Màu trắng. Sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu của Tổng Công ty thuộc nhóm 35, nhóm 36, nhóm 37, nhóm 39, nhóm 40 và nhóm 42.

4

26. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn
Công ty cam kết không có.

VII. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tên cổ phần thực hiện chuyển nhượng

Tên cổ phần: Cổ phần Tổng Công ty Thăng Long - CTCP

2. Loại cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng

3. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần

4. Hình thức

Hình thức: Bán đấu giá công khai cả lô cổ phần

5. Số lô cổ phần chào bán

Số lô cổ phần chào bán: 01 lô

6. Số lượng cổ phần của một lô chào bán

Số lượng cổ phần của một lô chào bán: 10.500.000 cổ phần/lô cổ phần (Bằng chữ: Mười triệu năm trăm nghìn cổ phần một lô cổ phần)

7. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng

Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng là 10.500.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 25,05% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).

8. Giá khởi điểm

Giá khởi điểm đấu giá là: 222.611.000.000 đồng/lô cổ phần (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi hai tỷ sáu trăm mười một triệu đồng một lô cổ phần).

Giá khởi điểm đấu giá bán phần vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP được thông qua theo Quyết định số 291/QĐ-ĐTKDV ngày 19/11/2024 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP.

9. Bước giá

Theo quy định tại Quy chế đấu giá công khai theo lô cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP.

10. Phương pháp tính giá khởi điểm

Theo quy định tại Điểm d Khoản 15 Điều 2 Nghị định 140/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018; "Về việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn: Doanh nghiệp Nhà nước nắm

giữ 100% VDL lựa chọn ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về thẩm định giá. Tổ chức có chức năng thẩm định giá được lựa chọn các phương pháp định giá theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá khởi điểm; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định giá. Khi xác định giá khởi điểm phải xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đầu tư ra ngoài bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hàng năm), theo quy định của pháp luật. Việc xác định giá thương hiệu (trong đó bao gồm giá trị văn hóa, lịch sử) vào giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ tài chính; Trường hợp chuyển nhượng vốn tại các doanh nghiệp chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán mà tỷ lệ vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đang nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ và giá trị đầu tư ghi trên sổ sách kế toán doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phải chuyển nhượng dưới 10 tỷ đồng thì doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ xem xét, quyết định thuê tổ chức thẩm định giá hoặc tự quyết định mức giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đảm bảo giá trị chuyển nhượng không thấp hơn giá trị thực của phần vốn góp phải chuyển nhượng".

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-ĐTKDV ngày 19/11/2024 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc đấu giá cả lô cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, SCIC sẽ triển khai bán đấu giá 10.500.000 cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP theo hình thức đấu giá công khai cả lô (một lô là 10.500.000 cổ phần).

Căn cứ theo quy định nêu trên và chứng thư thẩm định giá số 017/2024/554 ngày 19/11/2024 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá IVC Việt Nam thực hiện, SCIC quyết định giá khởi điểm bán đấu giá công khai theo lô cổ phần là: 222.611.000.000 đồng/lô cổ phần (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi hai tỷ sáu trăm mười một triệu đồng một lô cổ phần).

11. Phương thức chuyển nhượng vốn

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-ĐTKDV ngày 19/11/2024 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc đấu giá cả lô cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, SCIC sẽ triển khai bán đấu giá 10.500.000 cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP theo hình thức đấu giá công khai cả lô (một lô là 10.500.000 cổ phần).

Bán đấu giá công khai cả lô 10.500.000 cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty thông qua Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), theo đó mỗi nhà đầu tư phải đăng ký mua toàn bộ số cổ phần chào bán.

12. Tổ chức thực hiện đấu giá

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

13. Thời gian thực hiện

Thời gian công bố thông tin, lịch trình tổ chức bán đấu giá và phân phối cổ phiếu thực hiện theo Quy chế bán đấu giá cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước nắm giữ tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP.

14. Thời gian đăng ký mua cổ phiếu dự kiến

Thời hạn, số lượng, phương thức thanh toán, chuyển giao cổ phiếu, quyền lợi người mua cổ phiếu, số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu, thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu, ... được thực hiện theo Quy chế bán đấu giá do Tổ chức thực hiện đấu giá ban hành.

15. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện nay, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

Căn cứ thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài được công bố trên website của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là: 49%.

Tại thời điểm ngày 19/11/2024, số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là 3.610 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ. Do đó, khối lượng cổ phần tối đa mà nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký mua là 10.500.000 cổ phần (tương đương 25,05% vốn điều lệ của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP).

Tuy nhiên, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài có thể biến động theo từng ngày giao dịch trên thị trường và cũng có thể đạt mức tối đa 49% vốn điều lệ tại ngày làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phiếu Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Do đó, Nhà đầu tư nước ngoài khi nghiên cứu mua cổ phần Tổng Công ty Thăng Long - CTCP phải có trách nhiệm cập nhật khối lượng cổ phần Tổng Công ty Thăng Long - CTCP còn được phép nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài được công bố hàng ngày trên website của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đảm bảo khối lượng đăng ký mua không vượt quá khối lượng còn được phép nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài do SGDCK Hà Nội hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố tại thời điểm đăng ký tham dự đấu giá.

Trường hợp tại thời điểm đăng ký tham dự đấu giá, nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng đủ điều kiện để tham dự, tuy nhiên tại thời điểm chuyển quyền sở hữu cổ phần trúng đấu giá tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, số cổ phần trúng đấu giá và đã thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài lớn hơn khối lượng cổ phần Tổng Công ty Thăng Long - CTCP còn được phép nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài thì nhà đầu tư nước ngoài sẽ không được mua toàn bộ số lượng cổ phần trúng đấu giá và SCIC sẽ nhận lại toàn bộ cổ phần, hoàn trả lại toàn bộ tiền đặt cọc và số tiền đã thanh toán khi trúng giá của nhà đầu tư.

H

b

c

16. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn

Toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước sở hữu được tự do chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

17. Các loại thuế liên quan**✚ Thuế liên quan tới tổ chức có cổ phiếu được chuyển nhượng**

Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty là 20%. Nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Thuế Giá trị gia tăng: Thuế GTGT các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp là 10%.

✚ Thuế đối với hoạt động giao dịch chứng khoán

Đối với cá nhân: Nhà đầu tư cá nhân chịu thuế theo Luật Thuế thu nhập cá nhân số 15/VBIIN-VPQH ngày 11/12/2014.

Đối với tổ chức: Nhà đầu tư tổ chức chịu thuế theo quy định hiện hành của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

18. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công bố thông tin về việc chuyển nhượng vốn**✚ Các thông tin liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến quyết định tham gia đầu giá**

Thanh tra Chính phủ đã có Kết luận số 419/KL-TTCTP ngày 13/11/2024 về việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần hóa sang kinh doanh đất, xây dựng nhà ở giai đoạn 2011 - 2021 tại Bộ Giao thông vận tải (GTVT). Tổng Công ty sẽ thực hiện theo kết luận thanh tra, các nhà đầu tư cần nghiên cứu, theo dõi và ra quyết định tham gia đầu giá.

✚ Tình hình hoạt động 03 chi nhánh của Tổng Công ty

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP hiện có 03 chi nhánh bao gồm: Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long tại TP. Hồ Chí Minh, Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long tại Campuchia và Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - Xí nghiệp Thăng Long 5. Các chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty, được hỗ trợ, đầu tư về vốn, tài sản và nhân lực. Về hình thức hạch toán kế toán, các chi nhánh hoạt động theo hình thức chi nhánh hạch toán trực thuộc, chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh cũng như kê khai nộp các loại thuế, báo cáo tài chính cho cơ quan thuế nơi chi nhánh đăng ký.

Tình hình hoạt động của 03 chi nhánh cụ thể như sau:

(i) Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long tại TP. Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết

định số 489/ICT-ITL ngày 23/07/2001 của Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long với tên gọi “Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long”. Chi nhánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chi nhánh số 314646 ngày 09/08/2001, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0100105020-001 cấp ngày 12/01/2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Chi nhánh hoạt động bình thường, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

(ii) Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long tại Campuchia được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp số 00047388 ngày 11/09/2019 tại Kandal, Campuchia. Chi nhánh được thành lập để hỗ trợ Tổng Công ty khi có dự án xây dựng cầu đường tại Campuchia.

(iii) Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - Xí nghiệp Thăng Long 5 có mã số thuế 0100105020-008 địa chỉ tại số 72 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội. Chi nhánh được thành lập và hoạt động từ năm 2015 để phục vụ một số dự án của Tổng Công ty, tuy nhiên Chi nhánh đã ngừng hoạt động từ đầu năm 2024.

19. Địa điểm công bố thông tin

Các phương tiện công bố thông tin của đợt đầu giá bao gồm:

Các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật (Báo chí...).

Trang thông tin điện tử (website) của tổ chức là đối tượng công bố thông tin.

✦ TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Địa chỉ : Tầng 23-24 Tòa nhà Charm Vit, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3824 0703

Fax : (84-4) 6278 0136

Website : www.scic.vn

✦ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÍ

Trụ sở chính : Tầng 2 Tòa nhà Ha Noi Tourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 3934 3888

Fax : (84-24) 3934 3999

Website : www.psi.vn

✦ TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Trụ sở chính : Số 72 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Văn phòng giao dịch : Tầng 5, Tòa nhà Tasco, Lô III2-2, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0915.554.342

Website : www.tlg.com.vn

VIII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Mục đích của việc chuyển nhượng cổ phần nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà không cần giữ cổ phần.

Việc chuyển nhượng cổ phần chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP.

Việc triển khai thực hiện bán đấu giá công khai theo lô đối với toàn bộ 10.500.000 cổ phần do SCIC sở hữu tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP sẽ giúp cho SCIC có thêm nguồn lực tài chính phục vụ cho hoạt động kinh doanh và đầu tư khác của SCIC.

IX. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tổ chức là chủ sở hữu chuyển nhượng vốn

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Địa chỉ : Tầng 23-24 Tòa nhà Charm Vit, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3824 0703

Fax : (84-4) 6278 0136

Website : www.scic.vn

2. Tổ chức có vốn của Doanh nghiệp nhà nước cần chuyển nhượng

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Địa chỉ : Số 72 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Văn phòng giao dịch : Tầng 5, Tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0915.554.342

Website : www.tlg.com.vn

3. Tổ chức tư vấn chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính : Tầng 2 Tòa nhà Ha Noi Tourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 3934 3888

Fax : (84-24) 3934 3999

Website : www.psi.vn

4. Tổ chức thẩm định giá

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ IVC VIỆT NAM

Trụ sở chính : Ô số 8 tầng 2, Tòa nhà D2, Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : +84 4 6273 5566

Website : <https://ivc.com.vn>

5. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 84 (24) 3 783 2121

Website : <http://cpavietnam.vn>

X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

Các thông tin tại Bản Công bố thông tin này do Tổng Công ty Thăng Long - CTCP cung cấp. Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tự chịu trách nhiệm các thông tin công bố.

Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt. Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý III năm 2024 tự lập của Tổng Công ty.

Bản công bố thông tin chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên tìm hiểu thông tin doanh nghiệp trước khi tham gia đấu giá và đảm bảo rằng việc đăng ký mua và thực hiện giao dịch đúng quy định của pháp luật hiện hành. Các nhà đầu tư tham dự đấu giá có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

XI. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý

đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đầu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp, Báo cáo thường niên ... cũng như bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch là đúng thẩm quyền, tuân thủ các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, người nội bộ, giới hạn tỷ lệ sở hữu, được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí và nhân viên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản Công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán (ngoài đợt chào bán cổ phần của SCIC), thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP cho SCIC, chính Tổng Công ty Thăng Long - CTCP và các khách hàng khác, công ty liên kết của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản Công bố thông tin này.

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) không chịu trách nhiệm về nội dung cũng như tính chính xác về mặt số liệu của Bản công bố thông tin này.

Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Tổ chức có vốn nhà nước được chuyển nhượng, Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng, Tổ chức tư vấn chào bán và các công ty con, công ty liên kết, nhân viên của họ không chịu trách nhiệm về việc Nhà đầu tư sử dụng Bản công bố thông tin này cho mục đích của mình.

Trân trọng cảm ơn.

(Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống)

✍

✍

✍

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


ĐINH VIỆT TÙNG



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CỔ VỐN NHÀ NƯỚC ĐƯỢC CHUYÊN NHƯỢNG
TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN VIỆT HÀ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHI


GIAM ĐOC
PHẠM QUỲNH NGA

